

2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



VG PIPE®

CÔNG TY CP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC

Vietnam Germany Steel PiPe .J.S.C

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

◆ Thông điệp	02
◆ Giới thiệu	04
◆ Quá trình hình thành và phát triển	05
◆ Ngành nghề kinh doanh	07
◆ Tầm nhìn sứ mệnh giá trị cốt lõi	09
◆ Sơ đồ tổ chức	10
◆ Thông tin công ty con và liên kết	11
◆ Định hướng phát triển	13
◆ Đánh giá các rủi ro trong quá trình hoạt động	15

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

◆ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	17
◆ Tổ chức và nhân sự	21
◆ Tình hình tài chính	26
◆ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	29
◆ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	33

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

◆ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	34
◆ Tình hình tài chính	36
◆ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	38
◆ Kế hoạch phát triển trong tương lai	38
◆ Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	39

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

◆ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	41
◆ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty	42
◆ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2024	43

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

◆ Hội đồng quản trị	44
◆ Ban Kiểm soát	49
◆ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/Ủy ban kiểm toán	51

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

◆ Ý kiến kiểm toán	52
◆ Báo cáo tài chính được kiểm toán	52

Thông điệp **CHỦ TỊCH HĐQT**

Thưa Quý bạn hàng, đối tác cùng toàn thể CBCNV VGS!

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban lãnh đạo CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE (VGS), tôi xin gửi tới Quý Cổ đông lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Kính thưa Quý vị!

Năm 2023, có thể nói đó là một năm đầy thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và ngành thép nói riêng. Tình hình thị trường bất động sản suy yếu. Giá cả nguyên liệu sản xuất thép diễn biến phức tạp. Mặt khác tình hình lạm phát gia tăng, đã tạo ra một môi trường kinh doanh đầy biến động, nhiều Doanh nghiệp thép rơi vào tình trạng khó khăn, thua lỗ. Trong bối cảnh đó, VGS đã tiếp tục duy trì những nỗ lực bền bỉ để vượt qua các khó khăn trở ngại từ môi trường bên ngoài, với sự sát sao chỉ đạo cùng sự nhạy bén linh hoạt trong công tác điều hành của HĐQT, Ban điều hành mà VGS đã vượt qua. Điều này thể hiện qua kết quả kinh doanh năm 2023 vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành, thị phần tiêu thụ Ống thép Việt Đức đã từ TOP 6 vươn lên TOP 5, từ TOP 5 vươn lên TOP 4 nhà sản xuất thép Xây dựng có thị phần lớn nhất Việt Nam.

Kính thưa Quý vị!

Bước sang năm 2024, kinh tế toàn cầu dự báo chưa thể có nhiều khởi sắc. Tại Việt Nam, mặc dù Chính phủ đã có những hành động quyết liệt để tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản nói riêng và nền kinh tế nói chung, xong các doanh nghiệp vẫn cần có thời gian và thêm nhiều nỗ lực để vượt qua thách thức, hồi phục tăng trưởng.



Trong năm 2024, ngành thép sẽ phải đối mặt với một số rủi ro liên quan đến các chính sách của Trung Quốc. Đây cũng sẽ là thách thức rất lớn của VGS. Dù khó khăn trước mắt vẫn còn đó nhưng chúng ta sẽ kiên trì phấn đấu đạt các mục tiêu tăng trưởng mà Nghị quyết đã đề ra. Nắm bắt diễn biến giá thế giới cũng như trong nước để đưa ra các quyết định nhanh, cơ cấu hàng tồn kho hợp lý và luôn ở mức an toàn nhất. Đồng thời đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp từng vùng, đẩy mạnh áp dụng công nghệ số trong quản lý; quy hoạch xây dựng đội ngũ lãnh đạo có đủ năng lực, phẩm chất để đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cho Công ty. Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin cảm ơn Ban Điều hành cùng tất cả CBCNV VGS đã nỗ lực phấn đấu làm việc, khắc phục mọi khó khăn để đạt được kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023. Xin gửi lời cảm ơn các Quý khách hàng, Quý đối tác, Quý cổ đông và tất cả các bên liên quan vì sự hợp tác vững chắc trong năm qua. Sự tin tưởng, đồng hành của Quý vị là vô cùng cần thiết để VGS có được những thành công như ngày hôm nay và sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai.

Một lần nữa, xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!

Trân trọng cảm ơn!



CHỦ TỊCH HĐQT

LÊ MINH HẢI





VG PIPE[®]

CÔNG TY CP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC
Vietnam Germany Steel PiPe .J.S.C

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

THÔNG TIN CƠ BẢN

Tên giao dịch : CTCP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE
Tên tiếng Anh : Vietnam Germany Steel PiPe JSC
Tên viết tắt : VG PIPE
Số ĐKKD : 2500267703
Cấp ngày : 31/01/2007
Đơn vị cấp : Sở KH và ĐT Tỉnh Vĩnh Phúc
Vốn điều lệ : 532.696.700.000 đồng.
Trụ sở chính : KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại : 0211. 3887 863
Fax : 0211. 3888562
Website : vgpipeline.com.vn
Tài khoản : 42600 55252
Tại NH : BIDV – CN Phúc Yên
Mã số thuế : 2500267703
Lô gô Công ty :



THÔNG TIN TRỤ SỞ CHÍNH VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

Trụ sở chính

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, TT Đạo Đức, Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Hotline: 0211.3887.863

Email: vgp@thepvietduc.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà SIMCO, 28 Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng

Địa chỉ: QL 1 A, Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng

Văn phòng đại diện tại Miền Nam

Địa chỉ: Bến Lức, Long An

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

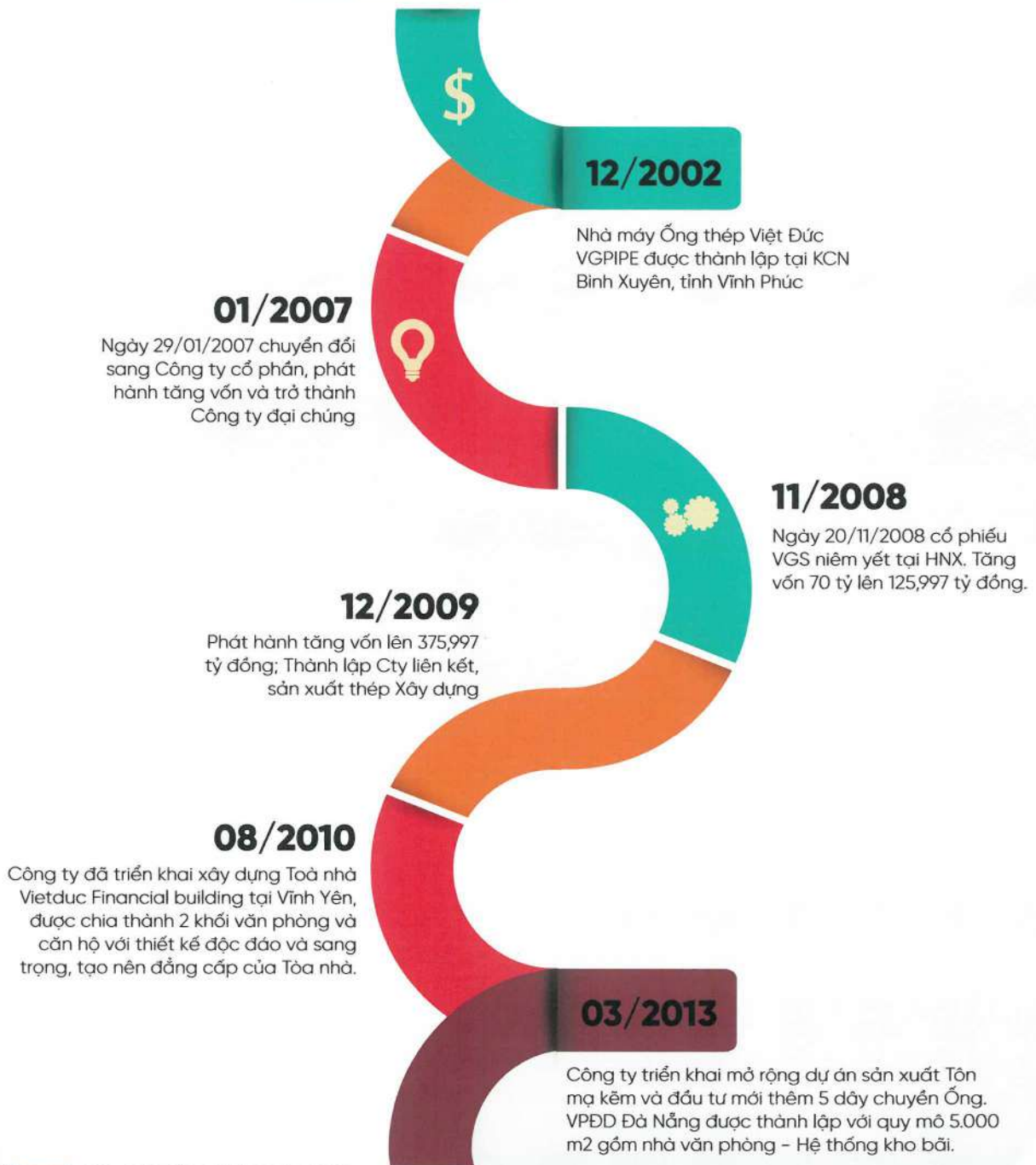
Mã cổ phiếu : VGS
Sàn niêm yết : HNX
Ngày niêm yết : Tháng 12/2008
Số cổ phần : 53.269.670 cổ phần

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



VG PIPE

Hình thành và phát triển



03/2017
Xây dựng Trung tâm TM và văn phòng cho thuê tại thị trấn Quang Minh, Mê Linh, Hà Nội. Tổng diện tích thi công 12.800 m2

2018- 2022
Tập trung triển khai công tác GPMB và hoàn thiện các Thủ tục pháp lý liên quan đến Dự án VietDuc Legend City

05/2021
Thép Việt Đức vô cùng tự hào đón nhận danh hiệu Đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới do Chủ tịch nước trao tặng.

11/2016

Nhà máy sản xuất Thép chế tạo thuộc Công ty liên kết đi vào hoạt động và đánh dấu năng lực sản xuất của tập đoàn lên 1.300.000 tấn/năm.

07/2018

Mở rộng Dự án Thép chế tạo, quy mô 3,2 ha để làm nhà phụ trợ và điều hành. Tăng vốn điều lệ lên 421.115.890 ngàn đồng từ việc chia cổ tức 2017.

2023

Ổng thép của VGS nằm trong TOP 5 đơn vị sản xuất và bán hàng



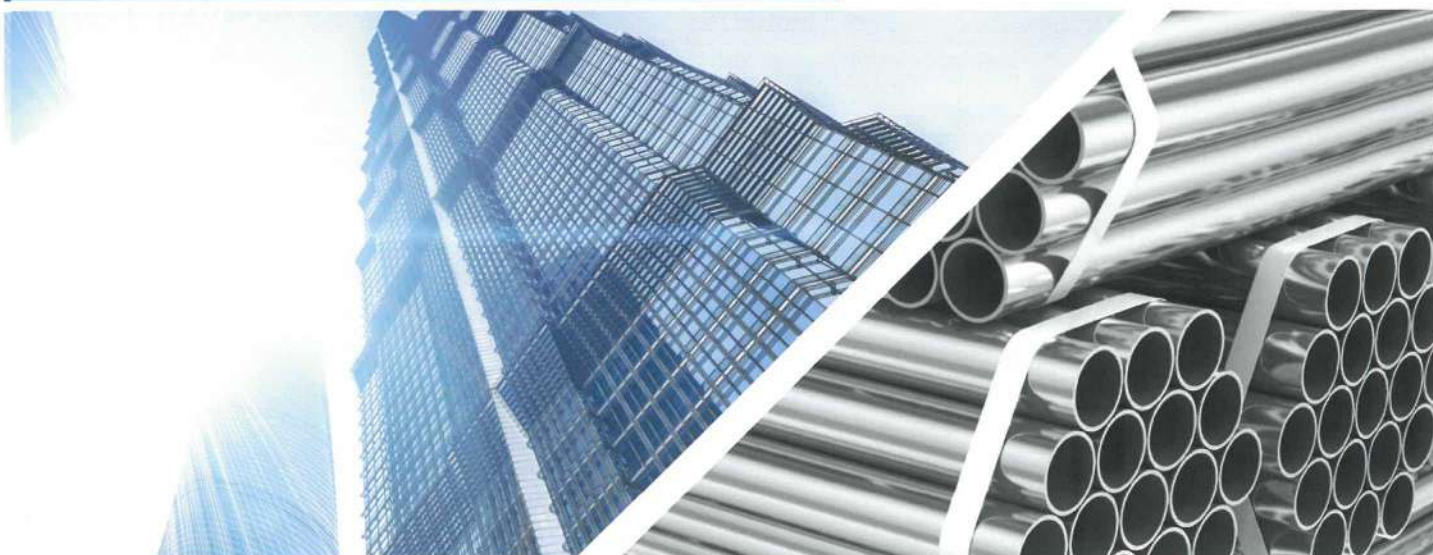
TOP 5

DN Ổng thép lớn nhất tại Việt Nam



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Đúc sắt, thép; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Xây dựng nhà để ở, nhà không để ở
- Xây dựng công trình đường sắt, công trình đường bộ
- Xây dựng công trình điện; công trình cấp, thoát nước
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc; công trình thủy; công trình khai khoáng, chế biến, chế tạo
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Dịch vụ đặt chỗ và các DV hỗ trợ liên quan đến quảng bá, tổ chức tua du lịch
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.



LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất Ống thép hàn đen
- Sản xuất Ống thép Tôn mạ
- Sản xuất Ống thép mạ kẽm nhúng nóng
- Sản xuất Tôn mạ kẽm
- Sản xuất thép thanh cán nóng
- Sản xuất thép cuộn cán nóng

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN

Hiện nay VG PIPE có 03 dự án:

- ❖ Tòa nhà Tài chính VIETDUC FINANCIAL BUILDING tại Vĩnh Yên là Tòa nhà cho thuê văn phòng và căn hộ.
- ❖ Tòa nhà Văn phòng và Trung tâm thương mại tại Mê Linh.
- ❖ Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City với quy mô 62ha

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM NHÌN

Tạo dựng một tập đoàn sản xuất thép hàng đầu Việt Nam mang thương hiệu THÉP VIỆT ĐỨC – ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU



SỨ MỆNH

- Mang đến hạnh phúc cho mỗi thành viên trong THÉP VIỆT ĐỨC.
- Mang lại thành công cho đối tác và khách hàng.
- Hòa hòa lợi ích doanh nghiệp với lợi ích cộng đồng và xã hội



GIÁ TRỊ CỐT LÕI



TÂM

Đặt chữ TÂM làm nền tảng cốt lõi. Đặt sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm. Đặt tâm huyết trong từng sản phẩm, dịch vụ phục vụ khách hàng, cộng đồng.



TÍN

Đặt chữ TÍN làm tôn chỉ cho mọi hoạt động. Sự tin nhiệm và đồng hành của đối tác, khách hàng là thước đo cho thành công và phát triển của mỗi cá nhân và Công ty.



TRÍ

VGS luôn đề cao tri thức, trí tuệ, sáng tạo. Mỗi CBCNV luôn chủ động, tích cực học hỏi, nghiên cứu cập nhật phát triển bản thân để tìm kiếm, khám phá và thực thi các giải pháp tối ưu nhất.



TỐC

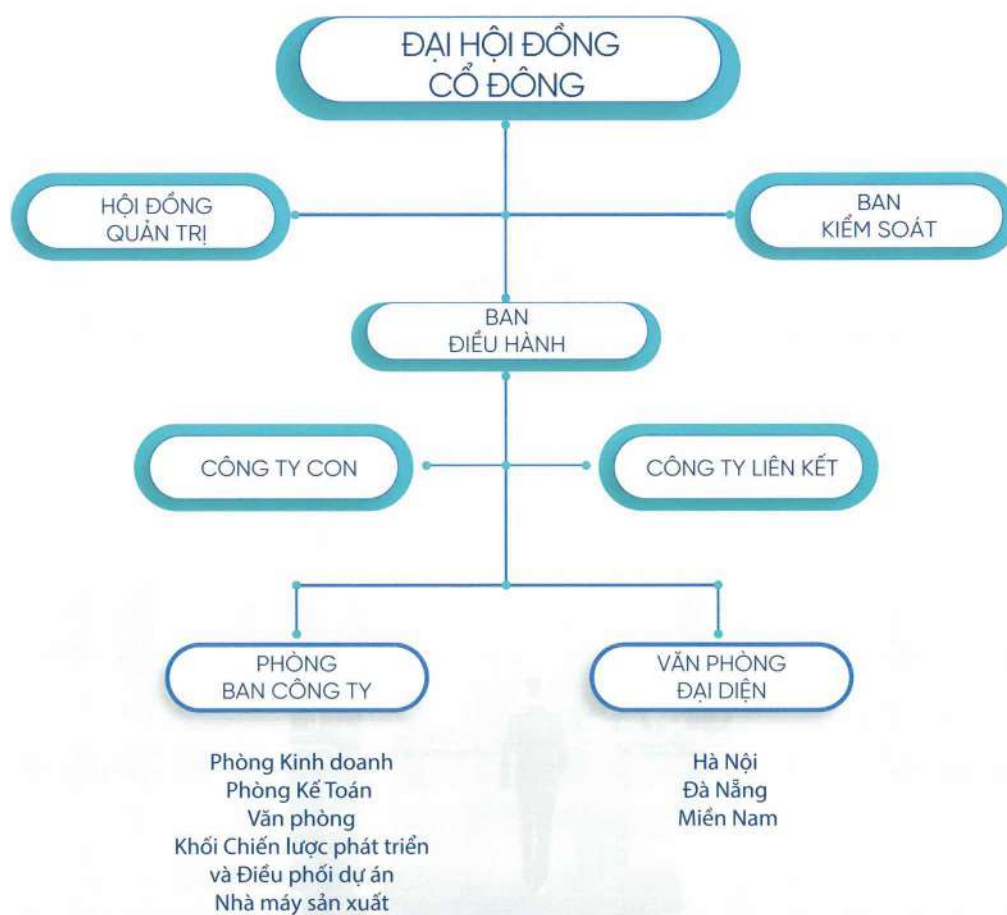
VGS mang trong mình trách nhiệm với tiến độ, luôn lấy tốc độ và hiệu quả là sức mạnh cạnh tranh lớn nhất của công ty.



THỊNH

Mang lại sung túc, văn minh, hạnh phúc cho toàn thể người lao động, đối tác, khách hàng là mục tiêu xuyên suốt quá trình đồng hành, hợp tác và phát triển của Công ty.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



THÔNG TIN CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT



Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc, Việt Nam
Vốn điều: 128 tỷ đồng
Số cổ phần: 12,8 triệu cổ phần
Mệnh giá: 10.000 đ/CP
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 99,92%
Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất Tôn mạ kẽm và Tôn cán nguội.





Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam
Vốn điều lệ: 304.065.000.000 đồng
Số Cổ phần: 30.406.500 Cổ phần Mệnh giá: 10.000 đ/cp
Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết: 28,6%
Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính: Sản xuất thép chất lượng cao và Chế tạo



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TỔNG QUAN

Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG PIPE được thành lập năm 2002 trên diện tích 30ha tại KCN Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 2008, Cổ phiếu của Thép Việt Đức chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch VGS.



DÂY CHUYỀN CÔNG NGHỆ:

Thép Việt Đức là đơn vị chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống thép mạ kẽm; Ống Tôn mạ; Tôn cán nguội và Tôn mạ kẽm với công suất 600.000 tấn/năm.

Ngoài ra Công ty chúng tôi còn liên doanh liên kết sản xuất thép xây dựng có đường kính từ D6 đến D51 công suất 700.000 tấn/năm.

Thép Việt Đức đang vận hành hệ thống dây chuyền sản xuất ống thép và tôn mạ kẽm theo công nghệ của các nước tiên tiến nhất hiện nay.

Sản phẩm ống thép được sản xuất theo tiêu chuẩn Anh Quốc BS 1387:1985, ASTM

A53, có đường kính ngoài từ 1/2 inch đến 8 inch, độ dày từ 1,9mm đến 8.18mm,

Ống thép vuông, chữ nhật theo tiêu chuẩn ASTM A500



VG PIPE[®]

ORIENTED
DEVELOPMENT

VGS



VỊ THẾ THỊ PHẦN:

Ống Thép Việt Đức là doanh nghiệp lớn hàng đầu tại Việt Nam, chuyên sản xuất, cung ứng các sản phẩm Ống thép hàn đen; Ống thép mạ kẽm nhúng nóng; Ống Tôn mạ kẽm và Tôn cuộn mạ kẽm.

VGS nằm trong TOP 5 nhà máy sản xuất và tiêu thụ Ống thép (chiếm 6,4% thị phần) và TOP 4 nhà sản xuất Thép xây dựng lớn nhất tại Việt Nam (chiếm 4,93% thị phần) – nguồn: Báo cáo Hiệp hội Thép Việt Nam VSA tháng 01.2024. Sản phẩm Ống thép Việt Đức được trải dài mọi miền tổ quốc. Thép Việt Đức có kho hàng tại Miền Bắc; Miền Trung, Miền Nam.



CÁC DỰ ÁN ĐÃ CẤP:

Sự đầu tư chuyên nghiệp và bài bản cùng với việc ứng dụng khoa học - công nghệ hiện đại vào hoạt động SXKD nên Thép Việt Đức luôn trên đà phát triển bền vững, mở rộng thị trường, đa dạng hóa các sản phẩm thép, phục vụ đầy đủ cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng.

Sản phẩm Thép Việt Đức được nhiều dự án lớn do chủ đầu tư trong, ngoài nước sử dụng và đánh cao như Dự án: nhà ga T2 Nội Bài; Sam Sung Thái Nguyên; Formosa Hà Tĩnh: Time City; Royal City; các dự án tập đoàn Vincom; Sân bay Đà Nẵng; Vành đai 3; Cầu Nhật Tân; Đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Lào Cai và rất nhiều dự án lớn khác.



Đánh giá các Rủi ro **TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG**

Với đặc thù của doanh nghiệp sản xuất thép và hoạt động kinh doanh bất động sản, Công ty không thể tránh khỏi những rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động.

Để phòng ngừa hiệu quả các rủi ro này, VGS đề ra những biện pháp cụ thể với từng nhóm rủi ro trọng yếu, đặc biệt trong phòng ngừa rủi ro về Kinh tế vĩ mô; biến động giá Nguyên liệu; chính sách pháp lý; nhân sự; tỷ giá, lãi vay.

RỦI RO VỀ KINH TẾ VĨ MÔ

Những yếu tố quan trọng của nền kinh tế như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, tăng trưởng tín dụng, tỷ giá, chỉ số giá tiêu dùng, tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư hay tỷ lệ thất nghiệp đều có ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của VGS.

Các bộ phận chuyên môn giám sát môi trường kinh tế vĩ mô và tư vấn cho Ban Tổng Giám đốc, dự báo xu hướng kinh tế vĩ mô trong tương lai và những tác động đến lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, từ đó đưa ra quyết sách và chiến lược phù hợp.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG VỀ GIÁ NGUYÊN NHIÊN LIỆU

Sản xuất và kinh doanh mặt hàng thép là chủ lực trong hoạt động kinh doanh của VGS. Để sản xuất ra thép, chi phí nguyên nhiên liệu chiếm 70-75% trong giá thành sản xuất.

Vì vậy chỉ cần 1% biến động giá các mặt hàng nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho sản xuất sẽ tác động rất lớn tới giá thành thành phẩm. biến động mạnh và hiện vẫn ở mức cao.

Biện Pháp

Công ty luôn theo dõi sát thông tin vĩ mô từ các thị trường có sức ảnh hưởng lớn tới diễn biến giá thép hàng ngày, luôn cập nhật tin tức đa chiều để kịp thời ứng phó;

Xây dựng các kịch bản tín dụng cho phòng ngừa rủi ro giá hàng hóa;

Quản trị tốt hơn kho nguyên nhiên liệu về mặt lượng, kịp thời thích ứng với biến động giá.

RỦI RO TÀI CHÍNH

Các rủi ro tài chính của VGS bao gồm rủi ro về thanh khoản, lãi suất và ngoại tệ. Định kỳ mỗi quý, Ban điều hành cùng Phòng Kế toán đánh giá tình hình thị trường vốn và tài chính để chủ động điều chỉnh tổng nợ vay và nghĩa vụ phải trả hợp lý. Để giảm rủi ro về thanh khoản, VGS luôn chủ động quản lý dòng tiền và giám sát chặt chẽ các nghĩa vụ phải trả.



RỦI RO VỀ THIÊN TAI DỊCH BỆNH

Rủi ro thiên tai, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng và nằm ngoài tầm kiểm soát của VGS. Đối với rủi ro này, VGS theo dõi sâu sát diễn biến, đưa ra các biện pháp phòng chống kịp thời.

RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG

VGS đặc biệt quan tâm đến tác động về môi trường trong mỗi hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (ô nhiễm không khí, tiếng ồn, nguồn nước) có thể làm thay đổi tài nguyên, môi trường sinh thái ở những vùng phụ.

Vì vậy, VGS luôn luôn tìm hiểu và đưa vào áp dụng các tiêu chuẩn tiên tiến nhất về hệ thống xử lý nước thải tuần hoàn; Hệ thống nung nhiệt; Hệ thống xử lý chất thải. Đồng thời xây dựng môi trường thân thiện, xanh – sạch – đẹp. Dành nhiều diện tích cho cây xanh. Hàng năm thuê các đơn vị về đánh giá tác động môi trường

RỦI RO VỀ CẠNH TRANH

Các ngành kinh doanh của VGS thường có mức độ cạnh tranh cao, điển hình là Sản xuất Công nghiệp, Văn phòng cho thuê.

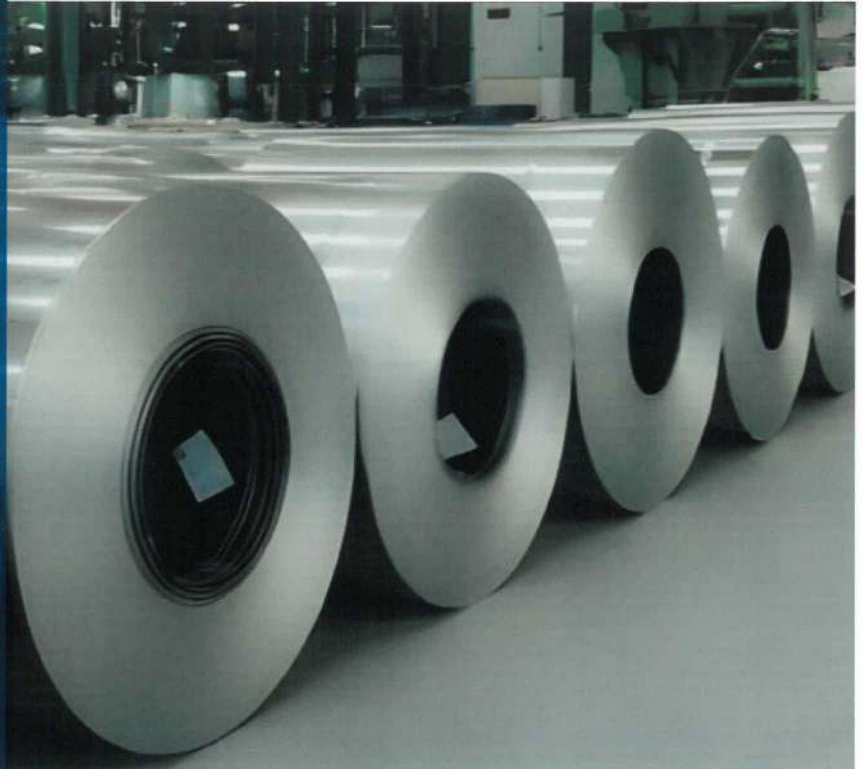
Trong mỗi lĩnh vực, đối thủ cạnh tranh của VGS là những đối thủ trong nước kinh doanh sản phẩm, dịch vụ tương tự.

Để tăng tính cạnh tranh, VGS không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, cải tiến máy móc thiết bị để đưa ra thị trường sản phẩm chất lượng tốt nhất. Luôn lấy chữ Tín trong kinh doanh lên hàng đầu. Đồng thời tiết giảm chi phí trong công đoạn sản xuất để giảm giá thành và đưa ra giá bán hợp lý nhất.

RỦI RO VỀ NHÂN SỰ

Để thu hút nhân sự chất lượng cao và tạo động lực cho người lao động, VGS có chính sách đãi ngộ cạnh tranh và minh bạch, dựa vào kết quả lao động. VGS xây dựng thành công môi trường văn hóa đặc trưng của mình thông qua các hoạt động văn hóa, tập thể, tạo VGS thành Ngôi nhà chung của mỗi CBNV, đem sự gắn bó lâu dài với Công ty. Để bảo đảm nguồn nhân sự chất lượng và ổn định VGS thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo cho cấp Quản lý và đào tạo CBLĐ kế cận, đặc biệt là lãnh đạo trẻ tài năng làm nòng cốt trong tương lai

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



ĐÁNH GIÁ CHUNG

- ▶ Tăng trưởng chung của kinh tế thế giới là 3% GDP (theo Quỹ Tiền tệ quốc tế - IMF và Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế - OECD), giảm 0,5% so với năm 2022.
- ▶ GDP Việt Nam đạt 430 tỷ USD, tăng 5,05% so với năm 2022, dù thấp hơn so với chỉ tiêu 6-6,5% nhưng vẫn tăng trưởng gần như cao nhất trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương.
- ▶ FDI vào Việt Nam trong năm 2023 đạt 36,61 tỷ USD, giải ngân đạt 23,18 tỷ USD - mức cao kỷ lục trong giai đoạn 2018 - 2023, tăng 32,1% so với cùng kỳ.
- ▶ CPI đạt mục tiêu: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cả năm 2023 tăng 3.25% so với năm trước, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.

ĐÁNH GIÁ NGÀNH THÉP VIỆT NAM NĂM 2023

- ▶ Thị trường thép Việt Nam 2023 trầm lắng, sụt giảm kéo dài. Thị trường bất động sản trầm lắng kể từ cuối năm 2022 đến nay, giá cả nguyên liệu sản xuất thép diễn biến phức tạp, nhiều doanh nghiệp thép rơi vào tình trạng khó khăn, thua lỗ.
- ▶ Tính chung cả năm 2023, sản xuất và bán hàng thép thành phẩm chỉ đạt lần lượt là 94,6% và 96,5% so với cùng kỳ. Đối với sản phẩm ống thép:
- ▶ Cả năm 2023, sản xuất đạt hơn 2,381 triệu tấn, giảm 8,6% so với cùng kỳ năm 2022. Bán hàng đạt 2,421 triệu tấn, giảm 7,8% so với cùng kỳ 2022.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 CỦA VGS

Trong năm 2023, mặc dù phải trải qua những giai đoạn bất ổn của tình hình kinh tế - xã hội nói chung và thị trường ngành thép nói riêng, HĐQT đã chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị trực thuộc phải linh hoạt, sáng tạo trong việc điều hành hoạt động SXKD, nhằm củng cố nền tảng ổn định, vượt qua các khó khăn, thách thức. Kết thúc năm 2023, với sự nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành, Công ty đã ghi nhận kết quả kinh doanh, cụ



KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023 SO VỚI KẾ HOẠCH

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% Hoàn thành
1	CÔNG TY MẸ				
1.1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.000	4.527	113,2
1.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	50	141,6	283,2
2	HỢP NHẤT				
2.1	Doanh thu	Tỷ đồng	7.000	7.568	108,1
2.2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	90	72,3	80,3

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY MẸ

Doanh thu đạt 4.527 tỷ đồng tăng 13,2% so với kế hoạch và giảm 8,7% so năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế đạt 141,6 tỷ đồng tăng 183,2% so kế hoạch và giảm 10,9% so năm 2022



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Doanh thu đạt 7.568 tỷ đồng tăng 8,1% so với kế hoạch và giảm 11% so năm 2022.

Lợi nhuận trước thuế đạt 72,3 tỷ đồng giảm 19,7% so kế hoạch và giảm 38,2% so năm 2022



ĐÁNH GIÁ VỀ LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH ỐNG THÉP, THÉP XÂY DỰNG

- ◆ Trong bối cảnh kinh tế gặp nhiều khó khăn thách thức đối với Kinh tế Việt Nam nói chung và đặc biệt Ngành thép nói riêng, VGS đã đạt được kết quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh thép rất đáng khích lệ và có thể nói đó là kết quả tốt nhất trong bối cảnh này
- ◆ Hàng hóa chủng loại đa dạng đầy đủ, chất lượng ngày càng được chú trọng nâng cao và khả năng đáp ứng tốt cho thị trường và các sản phẩm thép của VGS vẫn được các nhà thầu ưu tiên khi chọn thầu.
- ◆ Về thị phần thép VGS vẫn giữ vững thị phần đối với Ống thép vươn từ TOP 6 lên TOP 5 và thép xây dựng từ TOP 5 lên TOP4 nhà sản xuất và tiêu thụ thép lớn nhất tại Việt Nam

THÉP VIỆT ĐỨC

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH & KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ông NGUYỄN HỮU THỂ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

Kỹ Sư Bách Khoa

Năm bắt đầu làm việc tại Công ty: 2003

Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 11/3/2024

3,07%



Bà NGUYỄN THỊ NHI

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Đại học Thương mại

Năm bắt đầu làm việc tại Công ty: 2002

Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 11/3/2024

5,60%



Bà NGUYỄN THỊ THUÝ

Chức vụ: Trưởng phòng Kế toán

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán Đại học Tài chính

Năm bắt đầu làm việc tại Công ty: 2004

Tỷ lệ Sở hữu chứng khoán tại ngày 11/3/2024

0%



TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Công ty luôn xác định “CON NGƯỜI LÀ CHÌA KHÓA CỦA THÀNH CÔNG”, là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, VGS đã xây dựng được một đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn cao, kinh nghiệm và lực lượng nhân viên giàu nhiệt huyết, được đào tạo bài bản.

Đây chính là động lực giúp VGS vượt qua khó khăn, vững bước trên chặng đường phía trước. VGS chú trọng việc xây dựng chính sách nhân sự và môi trường làm việc lành mạnh nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy tốt nhất khả năng của mình



Chế độ làm việc

Công ty tổ chức làm việc 8 giờ/ngày (48h/tuần), 6 ngày/tuần. CBNV được hưởng chế độ nghỉ lễ, nghỉ phép, nghỉ việc riêng có hưởng nguyên lương theo quy định của Luật Lao động.





Điều kiện làm việc

Với cam kết xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, VGS đã bố trí văn phòng làm việc cho CBNV rộng rãi, khang trang. CBNV được cấp phát trang thiết bị làm việc hiện đại, được kiểm tra sức khỏe định kỳ. Đối với CBNV trực thuộc Khối Vận hành – Dịch vụ – Sản xuất, Công ty trang bị đầy đủ đồng phục, phương tiện, thiết bị bảo hộ lao động, vệ sinh lao động.

Nội quy lao động

VGS và các Công ty thành viên đều rất chú trọng xây dựng Nội quy lao động theo đúng quy định của Pháp luật.



Lương và bảo hiểm, phúc lợi

VGS luôn duy trì mức lương cho CBNV cạnh tranh so với mặt bằng lương chung của các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực trên thị trường, đồng thời tiếp tục chuẩn hóa, tối ưu hóa hệ thống lương, thưởng dựa trên năng lực, kết quả công việc và mức độ đóng góp của từng CBNV đối với Công ty. VGS có chính sách lương, thưởng, đãi ngộ đặc biệt cạnh tranh đối với các nhân sự giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân CBNV, mặt khác để thu hút nhân lực giỏi từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc, đóng góp và phát triển tại Công ty. Việc trích nộp Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, VGS đã kết hợp với các Công ty Bảo hiểm để mua bảo hiểm 24/24 cho tất cả CBCNV. Công ty thường xuyên rà soát, điều chỉnh các chính sách phúc lợi, tạo thêm đãi ngộ thiết thực cho toàn thể CBNV.

Bên cạnh đó, CBCNV ở các vị trí đều có trách nhiệm học tập, có nhiều cơ hội tham gia các khóa đào tạo nâng cao năng lực, phát triển bản thân để đón những cơ hội phát triển trong công việc.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ



Các chính sách phúc lợi của VGS

- ▶ Tặng quà vào những sự kiện quan trọng như các dịp Lễ/ Tết, thăm quan, nghỉ mát, các sự kiện của người lao động như sinh nhật, kết hôn, sinh con, thăm hỏi, tặng quà khi ốm đau, việc hiếu ...
- ▶ Khen thưởng cho con em CBNV đạt thành tích cao trong học tập.
Xây dựng khu thể thao đa năng với cảnh quan đẹp mắt, đầy đủ cơ sở vật chất, nơi mọi CBNV có thể thường xuyên tập luyện thể thao, rèn luyện sức khỏe



Khen thưởng

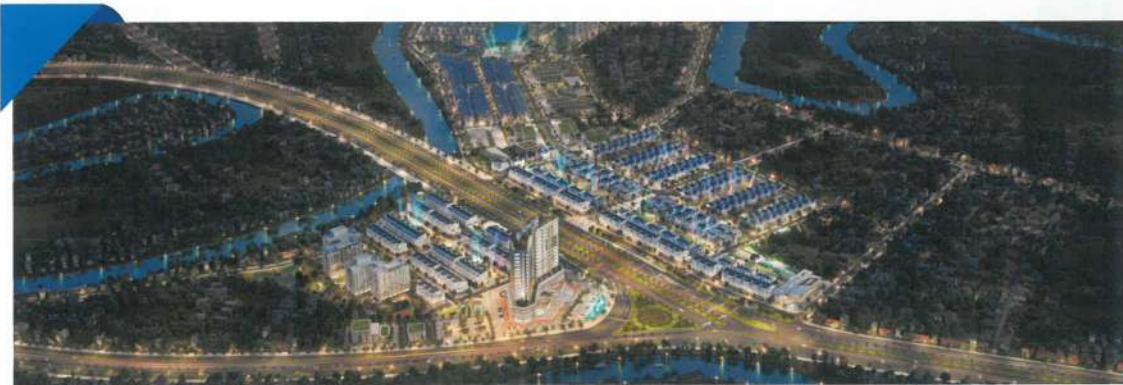
- ▶ VGS đã xây dựng và áp dụng chính sách khen thưởng tại tất cả các cơ sở, theo đó mọi CBNV có thành tích, đóng góp vào hiệu quả hoạt động của Bộ phận đều được ghi nhận, biểu dương và khen thưởng.
- ▶ Hoạt động đoàn thể, chú trọng đến quyền lợi và đời sống tinh thần của toàn thể CBNV. Các hoạt động của Chi bộ Đảng và Công đoàn được duy trì nhằm tạo môi trường gắn kết, khuyến khích CBNV phát huy năng lực, tăng cường đoàn kết tập thể, xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp





Các chính sách phúc lợi của VGS

Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc ra quyết định giao đất số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 và số 1829/QĐ-UBND ngày 22/07/2020; số 341/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 giao đất 02 đợt với diện tích: 214.481,4m². Đã nộp đủ tiền sử dụng đất; các khoản thuế và phí theo thông báo của Cục thuế tỉnh Vĩnh Phúc cho phần diện tích đã được UBND tỉnh giao giai đoạn



- ◆ Dự án đã được phê duyệt ĐTM tại Quyết định số 3229/QĐ-UBND ngày 29/12/2019; Phê duyệt PCCC tại Quyết định số 142/PC ngày 21/7/2020; chấp thuận điều chỉnh thiết kế nhà ở tại văn bản số 8408/UBND-CN3 ngày 24/9/2021.
- ◆ Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/05/2023.
- ◆ Dự án đã được Bộ Xây dựng thẩm định BCNCKT ĐTXD hạng mục: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn dự án, công trình nhà ở thấp tầng (giai đoạn 1), công trình nhà ở xã hội cao tầng (giai đoạn 1) và Trạm xử lý nước thải số 2 theo Văn bản số 234/HĐXD-QLKT ngày 22/09/2023.
- ◆ Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo Quyết định số 3501/QĐ-BTNMT ngày 27/11/2023.
- ◆ Dự án đã được Cục Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ Bộ Công An thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy và chữa cháy đối với Hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn 1 gồm: Đường giao thông phục vụ cho xe chữa cháy và Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà tại Giấy chứng nhận số 509/TD-PCCC ngày 06/02/2024.
- ◆ Hiện nay, Giai đoạn 1 của dự án đang hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép xây dựng để thi công hạ tầng kỹ thuật và xây thô hoàn thiện mặt ngoài nhà ở liền kề, biệt thự. Giai đoạn 2 của dự án đang thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng.



Công ty con

Công ty Cổ phần Thép Việt Đức.

Mã số thuế: 2500284071.

Địa chỉ: tại KCN Bình Xuyên, TT Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ: 128.000.000.000 đồng

Số cổ phần: 12.800.000 cổ phần.

Mệnh giá 10.000 cổ phần.

Tỷ lệ cổ phần Công ty mẹ nắm giữ có quyền biểu quyết là: 99,94%.

Hoạt động kinh doanh chính là: sản xuất tôn cán nguội và tôn mạ kẽm.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Thép Việt Đức thực hiện chia cổ tức từ năm 2018 đến năm 2022 bằng tiền và bằng cổ phiếu

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Tập đoàn sản xuất Thép Việt Đức.

Mã số thuế: 2500365531.

Địa chỉ: tại KCN Bình Xuyên, TT Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ: 304.065.000.000 đồng

Số cổ phần: 30.406.500 cổ phiếu

Mệnh giá 10.000 cổ phần.

Tỷ lệ lợi ích VGPIPE nắm giữ là: 28,6%.

Hoạt động kinh doanh chính là: sản xuất thép chất lượng cao.

Trong năm 2023, Công ty Cổ phần Tập đoàn sản xuất Thép Việt Đức thực hiện chia cổ tức từ năm 2017 đến năm 2022 bằng tiền.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN VÀ NGUỒN VỐN

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 01/01/2023
I	CÔNG TY MẸ			
1	TÀI SẢN			
1.1	Tài sản Ngắn hạn	Tỷ đồng	808,90	742,40
1.2	Tài sản Dài hạn	Tỷ đồng	984,8	625
	Cộng Tài Sản		1.793,70	1.367,40
2	NGUỒN VỐN			
2.1	Nợ phải trả	Tỷ đồng	980,50	684,50
2.2	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	813,2	682,9
	Cộng Nguồn Vốn		1.793,70	1.367,40
II	HỢP NHẤT			
1	TÀI SẢN			
1.1	Tài sản Ngắn hạn	Tỷ đồng	1.480,40	1.499,10
1.2	Tài sản Dài hạn	Tỷ đồng	966,9	665,8
	Cộng Tài Sản		2.447,30	2.164,90
2	NGUỒN VỐN			
2.1	Nợ phải trả	Tỷ đồng	1.465,90	1.238,30
2.2	Vốn Chủ sở hữu	Tỷ đồng	981,4	926,6
	Cộng Nguồn Vốn		2.447,30	2.164,90

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Biểu đồ tỷ lệ cơ cấu Tài sản và nguồn vốn Hợp nhất tại ngày 31/12/2023



Tại ngày 31/12/2023, Tài sản dài hạn tăng so với đầu kỳ là do trong năm 2023 Dự án Việt Đức Legend City đã thực hiện chi nộp phần tiền sử dụng đất và các chi phí thiết kế cảnh quan, hạ tầng. Nợ phải trả tăng là do trong năm đã thực hiện giải Ngân vốn vay trung hạn của BIDV Phúc Yên để chi nộp một phần tiền sử dụng đất của Dự án.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
I	CÔNG TY MẸ				
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.948,28	4.514,87	-8,76
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	52,99	141,04	166,16
3	Lợi nhuận khác	Tỷ đồng	0,34	0,53	55,88
4	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	53,32	141,57	165,51
5	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	42,66	131,80	208,95
6	Tỷ lệ chia cổ tức		10	5	-50
II	HỢP NHẤT				
1	Doanh		8.483,24	7.555,69	-10,93
2	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		116,50	71,50	-38,63
3	Lợi nhuận khác		0,35	0,79	125,71
4	Lợi nhuận trước thuế		116,84	72,29	-38,13
5	Lợi nhuận sau thuế		100,12	58,08	-41,99

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
I	CÔNG TY MẸ				
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,09	1,05	- 3,67
	+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,58	0,69	18,97
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,50	0,55	10,00
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,00	1,21	21,00
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	+ Vòng quay hàng tồn kho	vòng	14,02	12,62	- 9,99
	+ Vòng quay tổng tài sản	vòng	3,47	2,86	- 17,58
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	lần	0,009	0,029	222,22
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	lần	0,062	0,162	161,29
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	0,031	0,073	135,48
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	lần	0,011	0,031	181,82
II	HỢP NHẤT				
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
	+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,21	1,18	- 2,48
	+ Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,86	0,84	- 2,33
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
	+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0,57	0,60	5,26
	+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	1,34	1,49	11,19
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
	+ Vòng quay hàng tồn kho	vòng	15,72	17,11	8,84
	+ Vòng quay tổng tài sản	vòng	4,00	3,28	- 18,00
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	lần	0,012	0,008	- 33,33
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	lần	0,108	0,059	- 45,37
	+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	lần	0,046	0,024	- 47,83
	+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	lần	0,014	0,009	- 35,71



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày 11/03/2024	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	17.077.500	32,06
2	Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	1.635.063	3,07
3	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.983.780	5,60
4	Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.745.050	5,15
5	Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	0	0,00
6	Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	0	0,00



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày 11/03/2024	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Hữu Thể	Tổng Giám đốc	1.635.063	3,07
2	Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc	2.983.780	5,60

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ tên	Chức vụ	Ngày 11/03/2024	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	101	0,00
2	Lê Anh Chung	Thành viên	5.538	0,01
3	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	0	0,00

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông lớn thời điểm 11/03/2024

STT	Họ tên	Địa chỉ	Ngày 11/03/2024	
			Số CPSH	Tỷ lệ (%)
1	Lê Minh Hải	118-120 D1 Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội	17.077.500	32,06
2	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Số 3 phố Khâm Thiên, phường Đống Đa, Hà Nội	5.724.123	10,75
3	Lê Khánh Huyền	28 đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	4.389.550	8,24
4	Nguyễn Thị Nhi	Ngõ 79 Lương Khánh Thiện, Tương Mai, Hoàng Mai, Hà Nội	2.983.780	5,60
5	Lê Quốc Khánh	28 đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội	2.745.050	5,15

Cơ cấu cổ đông thời điểm 11/03/2024

STT	Họ tên	Số lượng	Ngày 11/03/2024	
			Số CPSH	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông nội bộ	9	34.560.725	64,88
1.1	HĐQT; Ban TGD; Kế toán trưởng; Ban kiểm soát	7	24.447.052	45,89
1.2	Người có liên quan	2	10.113.673	18,99
2	Cổ đông trong nước	6.168	18.251.248	34,26
2.1	Cá nhân	6.152	17.725.967	33,28
2.2	Tổ chức	16	525.281	0,99
3	Cổ đông nước ngoài	34	457.697	0,86
3.1	Cá nhân	25	140.821	0,25
3.2	Tổ chức	9	316.876	0,12
Cộng		6.211	53.269.670	100,00

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu tại ngày 11/03/2024

STT	Họ tên	Số lượng	Ngày 11/03/2024	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông sở hữu trên 5%	6	32.920.003	61,80
2	Cổ đông sở hữu 1% - 5%	1	1.635.063	3,07
3	Cổ đông sở hữu dưới 1%	6.204	18.714.604	35,13
	Cộng	6.211	53.269.670	100

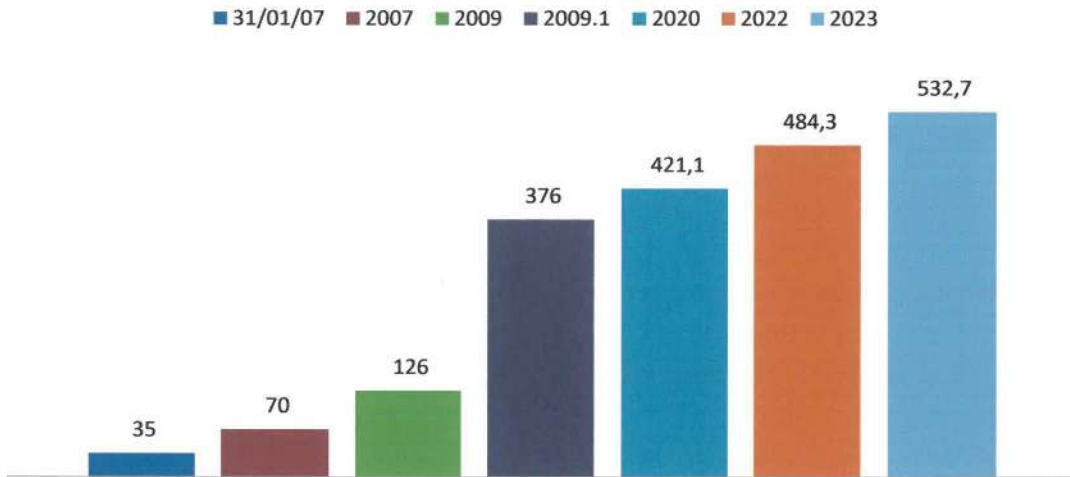
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

TT	Năm	Giá trị	Nội dung tăng vốn
1	31/01/2007	35.000.000.000	Tách từ Công ty Cp thép và VTCN
2	2007	35.000.000.000	Phát hành riêng lẻ tăng vốn
3	2008	55.997.100.000	Phát hành cổ phiếu thường, trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2007
4	2009	250.000.000.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng
5	2019	45.118.790.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2017
6	2022	63.163.320.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2021
7	2023	48.417.490.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu năm 2022



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

BIỂU ĐỒ THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CSH



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Điều kiện làm việc

- ◆ Công ty thực hiện kiểm toán năng lượng theo quy định của Nhà nước & thực hiện nhiều giải pháp nhằm giảm thiểu phát thải khí nhà kính, bảo vệ môi trường.
- ◆ Các Sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính điển hình đã thực hiện, mang lại hiệu quả cao như:
- ◆ Hút mùi, xử lý mùi khí axit triển khai năm 2022
- ◆ Hệ thống dập bụi năm 2021

Tiêu thụ năng lượng

- ◆ Điện năng sử dụng trong sản xuất năm 2023: 41.344.337 kwh. Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết kiệm điện năng như: tăng cường sản xuất giờ thấp điểm, hạn chế vào các giờ cao điểm, sử dụng điện chiếu sáng bằng bóng năng lượng mặt trời, hệ thống điện chiếu sáng tự động, ...
- ◆ Than sử dụng trong sản xuất năm 2023: 1.397 tấn

Quản lý nguồn nguyên liệu

- ◆ Toàn bộ nguyên liệu, vật tư đưa vào sản xuất đều được kiểm soát chặt chẽ theo Quy trình kiểm soát chất lượng ISO 9001:2015.
- ◆ Phế phẩm trong quá trình sản xuất được thu gom và bán phế liệu, do đặc thù sản xuất nên không sử dụng tái chế.

Tiêu thụ nước

- ◆ Tổng lượng nước sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 là 13.283 m³
- ◆ Nguồn nước từ 2 giếng khoan của Công ty đã được cấp phép.
- ◆ Nước phục vụ các quá trình sản xuất Ống thép được sử dụng tuần hoàn, lượng nước mất đi chủ yếu do bốc hơi, nhờ vậy tiết kiệm được 70% lượng nước sử dụng, góp phần bảo vệ môi trường.



VG PIPE[®]

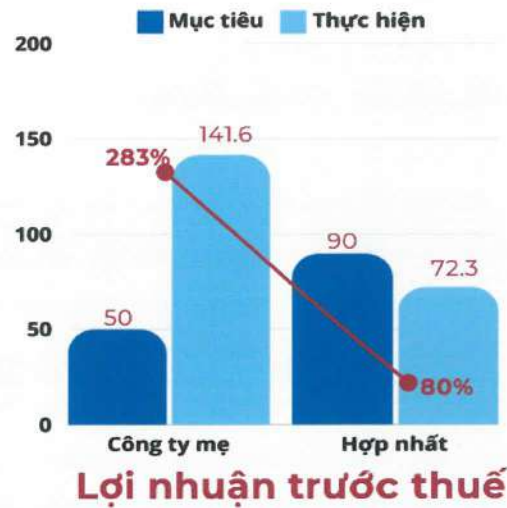
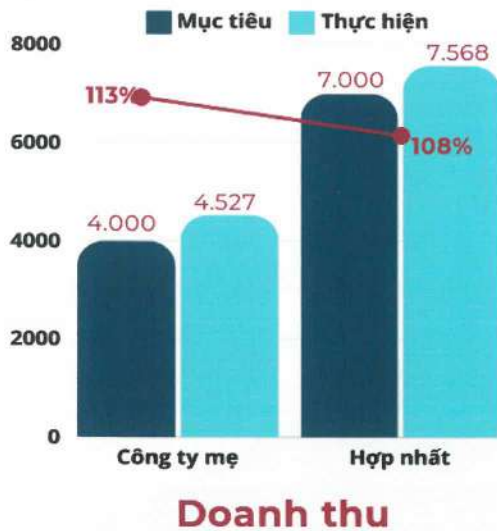
CÔNG TY CP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC

Vietnam Germany Steel Pipe .J.S.C

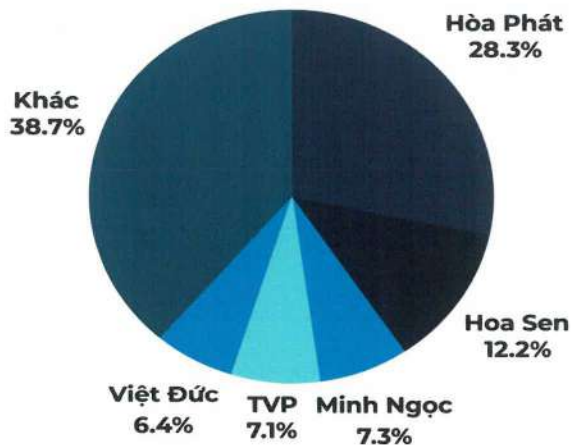


BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



ĐVT: tỷ đồng



Thị phần: Top 5 các doanh nghiệp sản xuất Ống thép có thị phần lớn nhất Việt Nam (thị phần 6,4% - nguồn báo cáo VSA tháng 01/2024).

Về Kết quả Công ty mẹ

Doanh thu đạt 4.527 tỷ đồng tăng 13% so với kế hoạch và giảm 8,7% so năm 2022
Lợi nhuận trước thuế đạt 141,6 tỷ đồng tăng 183% so kế hoạch và tăng 166% so năm 2022.

Về Kết quả Hợp nhất

Doanh thu đạt 7.568 tỷ đồng tăng 8,1% so với kế hoạch và giảm 11% so năm 2022
Lợi nhuận trước thuế đạt 72,3 tỷ đồng giảm 19,7% so kế hoạch và giảm 38,2% so năm 2022.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Cơ cấu Tài sản và Nguồn vốn

STT	Chỉ tiêu	Tại ngày 31/12/19	Tại ngày 31/12/20	Tại ngày 31/12/21	Tại ngày 31/12/22	Tại ngày 31/12/23
I	CÔNG TY MẸ					
1	TÀI SẢN					
1.1	Tài sản ngắn hạn	850,6	932,2	898,8	742,4	808,9
1.2	Tài sản dài hạn	429,6	412,6	587,8	625,0	984,8
	Cộng Tài sản	1.280,2	1.344,8	1.486,6	1.367,4	1.793,7
2	NGUỒN VỐN					
2.1	Nợ phải trả	676,3	711,0	842,1	684,5	980,5
2.2	Vốn chủ sở hữu	603,9	633,8	644,5	682,9	813,2
	Cộng Nguồn vốn	1.280,2	1.344,8	1.486,6	1.367,4	1.793,7
I	HỢP NHẤT					
1	TÀI SẢN					
1.1	Tài sản ngắn hạn	1.341,9	1.304,5	1.486,2	1.499,1	1.480,4
1.2	Tài sản dài hạn	417,0	400,6	594,1	665,8	966,9
	Cộng Tài sản	1.758,9	1.705,1	2.080,3	2.164,9	2.447,3
2	NGUỒN VỐN					
2.1	Nợ phải trả	1.065,8	947,9	1.247,2	1.238,3	1.465,9
2.2	Vốn chủ sở hữu	693,1	757,2	833,1	926,6	981,4
	Cộng Nguồn vốn	1.758,9	1.705,1	2.080,3	2.164,9	2.447,3

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2019 đến năm 2023

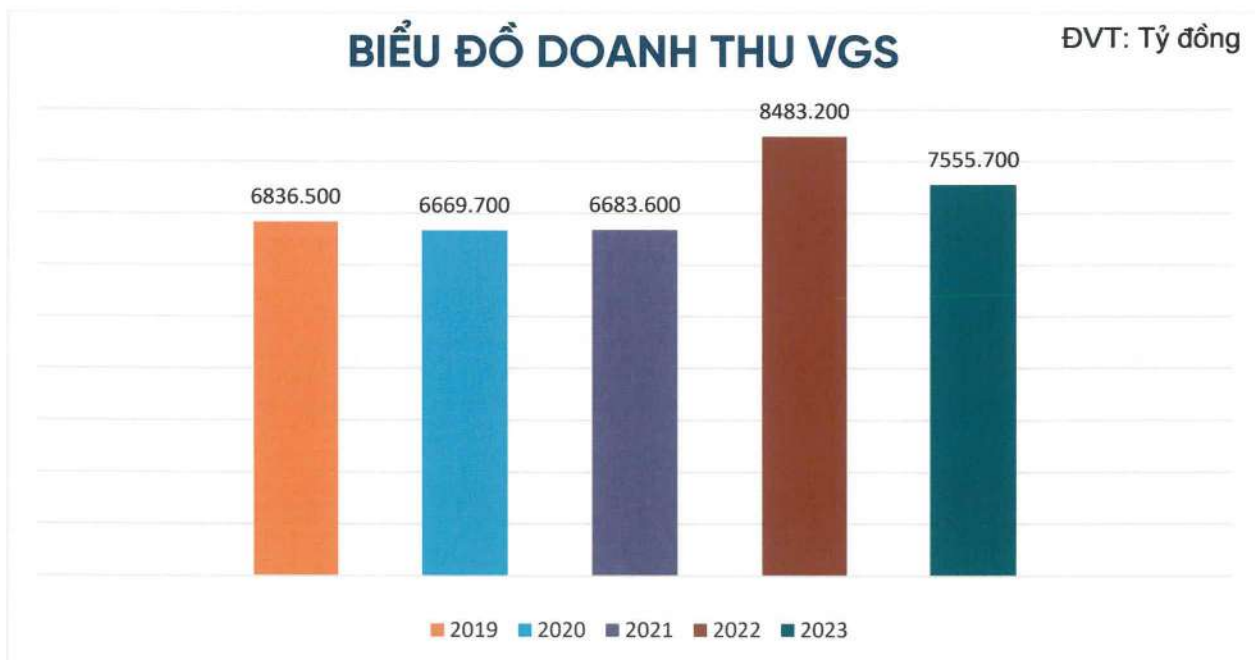
STT	Chỉ Tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
I	CÔNG TY MẸ					
1	Doanh thu thuần	4.121,5	4.053,5	3.978,9	4.948,3	4.514,9
2	Lợi nhuận trước thuế	60,7	82,7	73,5	53,3	141,6
3	Lợi nhuận sau thuế	48,4	66,0	58,7	42,7	131,8
II	HỢP NHẤT					
1	Doanh thu thuần	6.836,5	6.669,7	6.683,6	8.483,2	7.555,7
2	Lợi nhuận trước thuế	90,8	124,6	156,4	116,8	72,3
3	Lợi nhuận sau thuế	75,2	102,9	128,9	100,1	58,1

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

BIỂU ĐỒ LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẤT CỦA VGS TỪ 2019 ĐẾN 2023



BIỂU ĐỒ DOANH THU HỢP NHẤT CỦA VGS TỪ 2019 ĐẾN 2023



- Doanh thu thuần trong năm 2023 của Công ty mẹ và hợp nhất đều giảm là do trong năm mặc dù sản lượng bán hàng tăng, nhưng do giá bán hàng liên tục giảm và thấp hơn so với năm 2022.
- Lợi nhuận tại Công ty mẹ tăng là do trong năm Công ty đã nhận được khoản tiền chia cổ tức từ Công ty con và Công ty liên kết.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Năm 2023, Công ty đã có nhiều hoạt động cải tiến về cơ cấu tổ chức & chính sách quản lý như:

- ◆ Cơ cấu lại nhà máy sản xuất theo hướng chuyên môn hóa, tinh gọn các xưởng sản xuất để nâng cao hiệu quả quản lý, tăng cường giám sát chất lượng sản phẩm.
- ◆ Cơ cấu giao cho Giám đốc Kinh doanh trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh của các Văn phòng đại diện
- ◆ Cải tiến hệ thống máy uốn để nâng cao chất lượng sản phẩm
- ◆ Cải tiến công tác quản trị, tăng cường chuyển đổi số vào hoạt động quản lý, áp dụng thêm phần mềm vào hoạt động quản trị nhân sự, áp dụng công cụ KPI vào quản lý, lương 3P, ...



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Nhận định thị trường thép 2024

- ◆ Ngành thép đã trải qua năm 2023 khó khăn tổng sản lượng tiêu thụ thép thành phẩm trong nước chứng kiến sự sụt giảm do ảnh hưởng của nền kinh tế vĩ mô cũng như thị trường bất động sản nói riêng. Theo báo cáo mới đây của Hiệp hội thép Việt Nam (VSA), dự kiến tiêu thụ thép trong năm 2024 tăng 6,4%, đạt gần 21,6 triệu tấn. Trong đó, xuất khẩu thép thành phẩm và bán thành phẩm vẫn tiếp tục đà tăng trưởng ở mức tăng 12% lên gần 13 triệu tấn. Nhìn chung, triển vọng sản xuất thép của Việt Nam có thể sẽ tăng khoảng 10% trong năm 2024 nhờ kỳ vọng nhu cầu thép thế giới phục hồi.

Các kế hoạch khác trong năm 2024

- ◆ Phát triển mở rộng thị trường, giữ vững thị phần, vị thế VGS trên thị trường Thép Việt Nam.
- ◆ Tập trung cao độ để triển khai Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City Giai đoạn I
- ◆ Tăng cường nâng cao hệ thống quản lý chất lượng, quản lý hàng tồn kho. Thắt chặt và kiểm tra liên tục việc tiết giảm chi phí trong sản xuất và trong hoạt động của toàn Công ty
- ◆ Cập nhật nắm bắt thông tin kinh tế trong và ngoài nước để có biện pháp quản lý dòng tiền hiệu quả

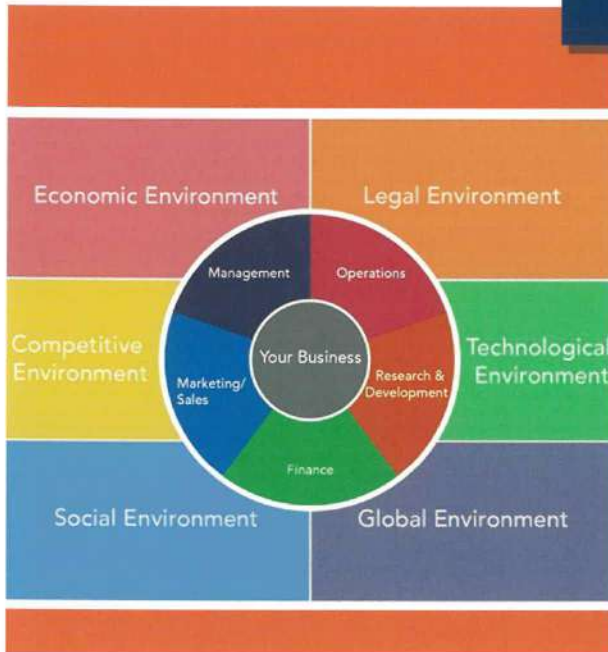
Kế hoạch Kinh doanh năm 2024

Căn cứ các dự báo ngành thép trong năm 2024, kết quả năm 2023 đã đạt được, Ban Tổng giám đốc Công ty trình ĐHCĐ kế hoạch kinh doanh năm như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Công Ty mẹ	Hợp Nhất
1	Doanh thu	Tỷ đồng	4.300	7.100
2	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	40	70



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

- ◆ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo thực hiện tốt công tác môi trường, giao nhiệm vụ chi tiết cho từng phòng/ban/phần xưởng:
- ◆ Đối với các nhà máy sản xuất thực hiện theo giấy phép môi trường của Công ty, hàng quý, hàng năm đã tuân thủ nghiêm túc các quy định trong
- ◆ Giấy phép môi trường như: quan trắc môi trường đầy đủ, lập báo cáo gửi cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.
- ◆ Thực hiện định mức tiêu hao điện năng cho từng phân xưởng, bộ phận, phòng ban, nhằm tiết kiệm điện tối đa.
- ◆ Sử dụng công nghệ xử lý nước thải sản xuất tạo thành nước tuần hoàn trong sản xuất: không có nước thải ra môi trường, tiết kiệm nước, bảo vệ môi trường

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ◆ Các chế độ chính sách với Người lao động được đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật & cao hơn luật: thu nhập luôn cao hơn & bằng 150% mức trung bình của khu vực.
- ◆ Thanh toán lương sớm: Thời gian thanh toán lương hàng tháng sớm hơn khu vực, Công ty thanh toán lương ngày 05 hàng tháng. 100% NLĐ được ký HĐLĐ, tham gia BHXH đầy đủ & được mua thêm bảo hiểm tai nạn 24/7.
- ◆ Tổ chức Hội thao “THÉP VIỆT ĐỨC” với các môn: Bóng đá Nam, bóng đá nữ, cầu lông, tennis, bóng bàn, cầu lông, kéo co,.... Tạo sân chơi cho CBCNV viên sau những giờ làm việc căng thẳng



ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- ◆ Thép Việt Đức triển khai nhiều chương trình hỗ trợ những hoàn cảnh kém may mắn, tập trung vào 4 nhóm chính: Y tế - Giáo dục – Giao thông và Cộng đồng. Năm 2023, Công ty đã dành trên 2 tỷ đồng cho các hoạt động an sinh Xã hội như xây nhà tình nghĩa; làm đường giao thông nông thôn, Trường học; tặng quà cho người bệnh có hoàn cảnh khó khăn, tặng ghế cho bệnh viện,..... Và hoạt động thường niên được Công ty thực hiện trước Tết nguyên đán hàng năm, nhằm mang lại một cái tết ấm áp, đủ đầy hơn cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn là Chương trình “Xuân yêu thương – Tết vì người nghèo” đã tặng quà tết cho những hộ gia đình khó khăn, chính sách trên địa bàn Thị trấn Đạo Đức và Huyện Bình Xuyên với gần nghìn suất quà, tổng trị giá 500 triệu đồng.



VG PIPE[®]

CÔNG TY CP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC

Vietnam Germany Steel Pipe .J.S.C

IV

**ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA
CÔNG TY**

LĨNH VỰC SẢN XUẤT KINH DOANH ỐNG THÉP



Năm 2023, sản lượng Ống thép của Công ty bán tăng 18,4% so với năm 2022 trong khi đó toàn ngành giảm 7,8% so với năm 2022 (Báo cáo của Hiệp hội Thép VSA – tháng 1/ 2024). Thị phần ống thép của Công ty nâng hạng từ TOP 6 năm 2022 lên TOP 5 các doanh nghiệp sản xuất ống thép lớn nhất Việt Nam. Doanh thu Công ty mẹ đạt 4.527 tỷ đồng, đạt 113% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao.

LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

- ◆ Tòa nhà Tài chính Mê Linh: đã thực hiện cho thuê từ tháng 3/ 2023, tỷ lệ lấp đầy 100%
- ◆ Tòa nhà Tài chính Việt Đức: duy trì tỷ lệ cho thuê cao, hoạt động hiệu quả & mang lại lợi nhuận đều đặn cho Công ty.
- ◆ Dự án Việt Đức Legend City:
Đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư vào tháng 5/2023.
- ◆ Đã được Bộ Xây dựng thẩm định BCNCKT ĐTXD hạng mục: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật toàn dự án, công trình nhà ở thấp tầng (giai đoạn 1), công trình nhà ở xã hội cao tầng (giai đoạn 1) và Trạm xử lý nước thải vào tháng 9/2023.
- ◆ Dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào tháng 11/2023.
- ◆ Dự án đã được Cục Cảnh sát PCCC và Cứu nạn cứu hộ Bộ Công An thẩm duyệt thiết kế Phòng cháy và chữa cháy đối với Hạ tầng kỹ thuật Giai đoạn 1 vào tháng 02/2024.
Hiện Công ty đã phối hợp với các cơ quan hữu quan để hoàn thành bồi thường GPMB cho diện tích còn lại của Giai đoạn I và triển khai cho Giai đoạn II, hoàn tất các thủ tục cấp phép hạ tầng khu đô thị.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN CỦA CÔNG TY

Trong quá trình kiểm tra, giám sát, HĐQT nhận thấy công tác tài chính – kế toán Công ty trong năm 2023 của Công ty thực hiện theo đúng quy định, Điều lệ; chuẩn mực kế toán và Pháp luật có liên quan.

Làm việc và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC theo đúng Nghị Quyết đại hội đồng cổ đông đã thông qua, để đảm bảo tính độc lập và khách quan trong các hoạt động kiểm toán, các báo cáo tài chính của Công ty. Công bố thông tin lựa chọn đơn vị kiểm toán đúng thời gian quy định.

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

Mọi hoạt động SXKD của Công ty đều đảm bảo tuân thủ pháp luật về An toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ & bảo vệ môi trường.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Đã triển khai nghiêm túc Nghị Quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị Quyết của HĐQT:

- ▶ Triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và các kế hoạch khác đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2023 thông qua đạt hiệu quả cao.
- ▶ Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán và đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng tháng và hàng quý.
- ▶ Chỉ đạo định hướng phát triển kinh doanh, xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, công tác đầu tư.
- ▶ Dưới sự chỉ đạo và giám sát của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên đã khẩn trương, nghiêm túc xây dựng, triển khai nhiệm vụ, kế hoạch cụ thể. Các kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao Ban Tổng Giám đốc và các thành viên đều báo cáo đầy đủ, kịp thời.
- ▶ HĐQT đánh giá cao Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò qua các giải pháp điều hành SXKD kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT.
- ▶ Tiếp tục tham mưu cho HĐQT triển khai nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng và bồi đắp văn hoá doanh nghiệp



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

ĐÁNH GIÁ CHUNG 2024

- ◆ Năm 2024, Hiệp hội thép thế giới (WSA) dự báo nhu cầu thép dự kiến tăng 1,9% đạt 1.849,1 triệu tấn. Trong đó, nhu cầu của ASEAN 5 dự kiến sẽ tăng 5,2% (~79,2 triệu tấn) vào năm 2024.
- ◆ Triển vọng sản xuất thép Việt Nam sẽ tăng khoảng 10% vào năm 2024 và 8% vào năm 2025 khi nhu cầu sử dụng thép trong nước phục hồi trở lại

Các thách thức phải đối mặt trong năm 2024

- ◆ Trong năm 2024, ngành thép sẽ phải đối mặt với một số rủi ro liên quan đến các chính sách của Trung Quốc.
- ◆ Bên cạnh đó, ngành thép sẽ phải đối mặt với những thách thức trong việc chuyển đổi xanh, giảm phát thải, trong đó trước mắt là Cơ chế điều chỉnh biên giới carbon (CBAM) của EU.

Định hướng cụ thể năm 2024

- ◆ Bám sát diễn biến thị trường, đặt biệt trong bối cảnh giá nguyên liệu biến động khó lường như hiện nay để ứng phó kịp thời.
- ◆ Chỉ đạo tổ chức tốt hoạt động SXKD, phát triển thị trường, khách hàng. Tăng hiệu quả chất lượng, dịch vụ. Gia tăng sản lượng, đẩy mạnh phát triển công tác kinh doanh
- ◆ Đẩy mạnh thực hiện các Dự án quan trọng hiện có của Công ty.
- ◆ Nâng cao đời sống thu nhập người lao động & phát triển nguồn nhân lực theo chiều sâu





VG PIPE[®]

CÔNG TY CP ỚNG THÉP VIỆT ĐỨC
Vietnam Germany Steel PiPe .J.S.C

V | QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KÌ 2022 - 2026



Ông Lê Minh Hải

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 11/3/2024

32,06%



Ông Nguyễn Hữu Thế

Chức vụ: TV HĐQT điều hành

Trình độ chuyên môn:

Kỹ Sư Bách Khoa

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 11/3/2024

3,07%



Bà Nguyễn Thị Nhi

Chức vụ: TV HĐQT điều hành

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kế toán

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 11/3/2024

5,60

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KÌ 2022 - 2026

Ông Lê Quốc Khánh

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế Quốc tế

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 11/3/2024

5,15%



Ông Nguyễn Trọng Đắc

Chức vụ: TV HĐQT độc lập

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Kinh tế

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 11/3/2024

0,00%



Ông Bùi Văn Hiệu

Chức vụ: TV HĐQT độc lập

Trình độ chuyên môn:

Kỹ Sư Bách Khoa/ Cử nhân QTKD

Tỷ lệ sở hữu CP tại ngày 11/3/2024

0,00%





HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nhìn chung, năm 2023 HĐQT hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty, Luật doanh nghiệp. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì đều đặn & kịp thời linh hoạt theo hoạt động sản xuất kinh doanh. HĐQT đã bám sát tình hình thực tế của công ty để triển khai đầy đủ, kịp thời và hiệu quả các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để ra. HĐQT đã đưa ra và triển khai các giải pháp phù hợp nhằm tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát các hoạt động của Công ty và thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ.

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện họp theo định kỳ và đột xuất để giải quyết nhiều vấn đề trọng điểm như:

- ◆ Thông qua việc dùng lợi nhuận sau thuế từ năm 2023 – 2026 để đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City tại TT Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- ◆ Thông qua việc điều chỉnh Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City tại TT Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc: Quy mô dự án; Vốn thực hiện dự án; Tiến độ thực hiện dự án.
- ◆ Thông qua phương án huy động vốn cho hoạt động đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ◆ Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15/4/2023.
- ◆ Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 15/4/2023.
- ◆ Ngoài các cuộc họp trên HĐQT Công ty còn tổ chức các buổi làm việc chuyên đề để trao đổi, làm rõ và thống nhất chỉ đạo đối với từng hoạt động của Công ty.



HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, ban hành đều dựa trên sự thống nhất của tất cả các thành viên, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT.

HĐQT đã thường xuyên theo dõi, đánh giá và kiểm soát tình hình hoạt động và quản lý của Công ty. Tham gia các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc về các nội dung quan trọng trong công tác điều hành hoạt động và kế hoạch kinh doanh của Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

HĐQT đã thực hiện việc phân cấp/phân quyền cho các thành viên để nâng cao tính chủ động, quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền, đặc biệt nâng cao tính giám sát, độc lập của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Từng thành viên HĐQT Công ty với tinh thần trách nhiệm cao, đã nỗ lực, tập trung trí tuệ tập thể để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của doanh nghiệp.



2. BAN KIỂM SOÁT

A THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát Công ty hoạt động theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Nhân sự trong năm của Ban Kiểm soát là 3 người.

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên của BKS	Trình độ chuyên môn
1	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	16/4/2022	Cử nhân kinh tế
2	Lê Anh Chung	Thành viên	16/4/2022	Cử nhân Luật
3	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	16/4/2022	Cử nhân tin học

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Ban Kiểm soát

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày 11/3/2024	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban	101	0,00
2	Lê Anh Chung	Thành viên	5.538	0,01
3	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên	0	0,00



B**HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Ban Kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc theo dõi sát việc thực hiện nghiêm túc các công việc cụ thể sau:

- ◆ Theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- ◆ Tham gia kiểm tra giám sát hoạt động kiểm toán, xem xét các báo cáo tài chính định kỳ do Ban Tổng Giám đốc cung cấp nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt nam.
- ◆ Thường xuyên phối hợp với Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty để đẩy mạnh việc giám sát hoạt động SXKD, thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 2023. Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
- ◆ Kiểm soát việc công bố thông tin của Công ty và các đơn vị thành viên theo đúng quy định của pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với Công ty đại chúng, Công ty niêm yết.
- ◆ Ban Kiểm soát luôn giám sát việc kiểm phiếu về việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản các vấn đề có liên quan.
- ◆ Thẩm định các tài liệu họp Đại hội cổ đông.
- ◆ BKS đã họp thường xuyên để thông qua các báo cáo, các nội dung quan trọng theo chức năng. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát còn thường xuyên cử thành viên tham gia các cuộc họp giao ban tuần, đột xuất của Công ty để cùng thảo luận, quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng nhiệm vụ theo quy định của Pháp luật.

**NGÔ VI ANH TÚ**

Trưởng ban Kiểm soát
Tỷ lệ sở hữu cổ phần
tại ngày 11/3/2024

0,0002%**LÊ ANH CHUNG**

Thành viên Ban Kiểm soát
Tỷ lệ sở hữu cổ phần
tại ngày 11/3/2024

0,01%**NGUYỄN THỊ HOA**

Thành viên Ban Kiểm soát
Tỷ lệ sở hữu cổ
tại ngày 11/3/2024

0,00%

3. CÁC KHOẢN LỢI ÍCH THÙ LAO

A LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

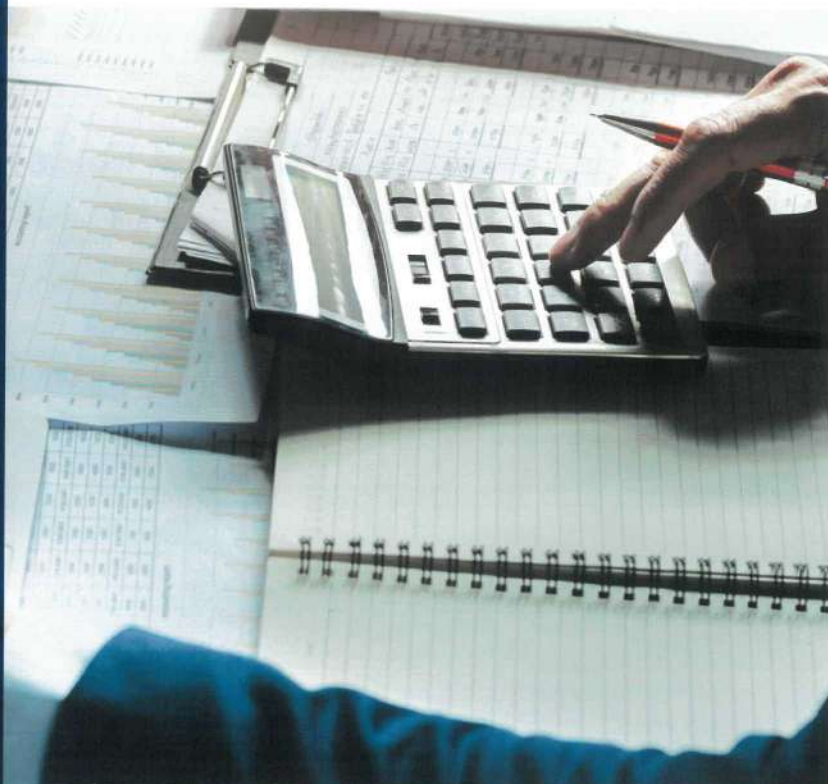
TT	Họ và tên	Mối quan hệ	Năm 2023 (VNĐ)	Năm 2022 (VNĐ)
I Hội đồng quản trị và Ban TGD				
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	315.500.000	495.700.000
2	Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT Tổng Giám Đốc	867.500.000	447.600.000
3	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám Đốc	747.500.000	445.600.000
4	Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
5	Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
6	Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
II Ban Kiểm Soát				
1	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban KS	24.000.000	24.000.000
2	Lê Anh Chung	Thành viên BKS	183.950.200	12.000.000
3	Nguyễn Thị Hoa	Thành viên BKS	12.000.000	12.000.000

B GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện	Quan hệ cổ đông nội bộ	Cổ phần đầu kỳ		Cổ phần cuối kỳ	
			Số CPH	Tỷ lệ (%)	Số CPH	Tỷ lệ (%)
1	Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	15.525.000	32,06	17.077.500	32,06
2	Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT	1.486.421	3,07	1.635.063	3,07
3	Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT	2.712.528	5,60	2.983.780	5,60
4	Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	2.495.500	5,15	2.745.050	5,15
5	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Vợ CT HĐQT	5.203.749	10,75	5.724.123	10,75
6	Lê Khánh Huyền	Con CT HĐQT	3.990.500	8,24	4.389.550	8,24
7	Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban KS	92	0,00	101	0,00
8	Lê Anh Chung	Thành viên BKS	5035	0,01	5.538	0,01
9	Nguyễn Thị Thủy	Kế toán trưởng	19	0,00	20	0,00

Số lượng cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan tăng lên là do năm 2023 Công ty chia cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



1 Ý KIẾN KIỂM TOÁN:

- ◆ Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt – Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- ◆ Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt – Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2 BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đã được kiểm toán



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/10/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban
Ông Lê Anh Chung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Số: 220324.009/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 22 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Nguyễn Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5136-2020-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		808.848.334.023	742.429.501.394
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	46.802.997.792	55.766.780.933
111	1. Tiền		46.802.997.792	55.766.780.933
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		484.168.995.460	340.180.949.818
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	452.960.199.732	297.606.449.619
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	6.210.318.173	20.548.310.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	49.788.103.705	43.270.461.841
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(24.789.626.150)	(21.244.271.886)
140	IV. Hàng tồn kho	9	277.031.659.902	346.380.199.199
141	1. Hàng tồn kho		277.031.659.902	346.380.199.199
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		844.680.869	101.571.444
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	-	101.571.444
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		844.680.869	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		984.803.010.207	625.004.156.733
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	187.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	187.300.000
220	II. Tài sản cố định		114.705.649.522	125.929.762.521
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	98.091.418.587	108.967.143.986
222	- Nguyên giá		306.060.235.404	318.403.500.052
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(207.968.816.817)	(209.436.356.066)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.614.230.935	16.962.618.535
228	- Nguyên giá		22.365.266.201	22.365.266.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.751.035.266)	(5.402.647.666)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		707.750.096.680	335.306.408.988
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	707.750.096.680	335.306.408.988
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	146.590.000.000	146.590.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		66.640.000.000	66.640.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		15.569.964.005	16.990.685.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15.569.964.005	16.990.685.224
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.793.651.344.230	1.367.433.658.127

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

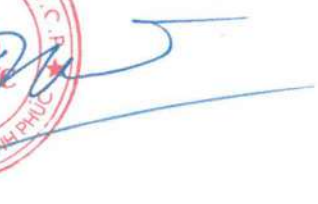
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		980.493.838.597	684.517.841.763
310	I. Nợ ngắn hạn		773.248.459.811	682.056.282.977
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	388.186.120.209	295.140.761.321
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	10.545.468.002	418.361.325
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	6.881.220.316	4.424.590.593
314	4. Phải trả người lao động		10.733.683.251	14.314.774.400
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	705.911.781	155.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.998.919.604	1.639.242.274
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	763.996.917	568.324.688
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	340.116.418.302	350.900.000.000
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.316.721.429	14.495.228.376
330	II. Nợ dài hạn		207.245.378.786	2.461.558.786
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	3.445.378.786	2.461.558.786
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	203.800.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		813.157.505.633	682.915.816.364
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	813.157.505.633	682.915.816.364
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		532.696.700.000	484.279.210.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		532.696.700.000	484.279.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		39.385.945.057	37.438.754.991
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.959.882.008	1.959.882.008
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		169.279.591.869	89.402.582.666
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		40.985.092.666	53.137.492.825
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		128.294.499.203	36.265.089.841
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.793.651.344.230	1.367.433.658.127


Võ Thị Hồng Thắm
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng





Nguyễn Hữu Thê
Tổng Giám đốc

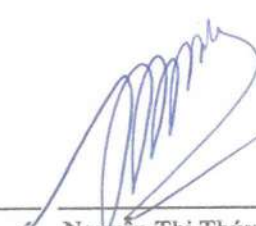
Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	4.526.933.270.615	4.955.745.772.586
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	12.060.745.380	7.469.963.611
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.514.872.525.235	4.948.275.808.975
11	4. Giá vốn hàng bán	24	4.368.570.452.565	4.805.112.324.643
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		146.302.072.670	143.163.484.332
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	92.880.297.903	36.302.323
22	7. Chi phí tài chính	26	21.348.791.059	21.652.526.924
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		21.348.791.059	21.638.033.324
25	8. Chi phí bán hàng	27	46.219.941.002	40.986.908.069
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	30.578.378.718	27.574.963.453
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		141.035.259.794	52.985.388.209
31	11. Thu nhập khác	29	665.423.710	617.593.672
32	12. Chi phí khác	30	132.254.351	278.078.246
40	13. Lợi nhuận khác		533.169.359	339.515.426
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		141.568.429.153	53.324.903.635
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	9.768.987.831	10.660.092.057
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		131.799.441.322	42.664.811.578


Võ Thị Hồng Thắm
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc



Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		141.568.429.153	53.324.903.635
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		11.267.693.775	11.586.846.545
03	- Các khoản dự phòng		3.545.354.264	3.174.264.555
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(675.261)	(2.779.534)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(93.285.867.055)	(433.522.789)
06	- Chi phí lãi vay		21.348.791.059	21.638.033.324
07	- Các khoản điều chỉnh khác		70.497.284	251.768.232
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		84.514.223.219	89.539.513.968
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(153.660.320.711)	125.872.098.147
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		69.348.539.297	68.524.064.439
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		108.646.498.035	(144.800.888.736)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.522.292.663	(1.227.174.891)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.253.879.278)	(21.676.051.954)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(6.451.289.341)	(12.764.085.317)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.841.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.743.100.000)	(5.151.320.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		79.929.804.884	98.316.155.656
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(376.025.404.230)	(43.364.845.357)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.235.100.000	400.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		92.879.622.642	33.522.789
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(281.910.681.588)	(42.931.322.568)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.400.350.235.898	3.171.255.231.585
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.207.333.817.596)	(3.184.994.859.268)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		193.016.418.302	(13.739.627.683)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(8.964.458.402)	41.645.205.405

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

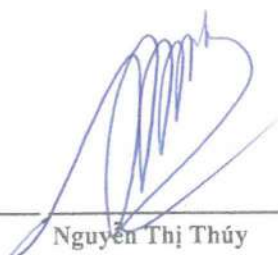
Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		55.766.780.933	14.118.795.994
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		675.261	2.779.534
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	46.802.997.792	55.766.780.933



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thể
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/10/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 532.696.700.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 532.696.700.000 VND; tương đương 53.269.670 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 316 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 324 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bạc, tủ sắt, két sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Trong năm 2023, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty tăng 92,84 tỷ VND tương ứng 2.558 lần so với năm 2022, nguyên nhân do Công ty nhận được cổ tức được chia từ công ty con và công ty liên kết. Điều này làm lợi nhuận sau thuế năm 2023 của Công ty tăng mạnh so với năm trước.

Bên cạnh đó, trong năm Công ty đã tiếp tục nộp tiền sử dụng đất cho Dự án Việt Đức Legend City với một phần tiền nộp bằng vốn vay dài hạn ngân hàng. Do đó, chi phí xây dựng cơ bản tăng mạnh và khoản vay dài hạn cũng tăng mạnh so với thời điểm đầu năm tài chính.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính riêng của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau: Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (riêng) trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m² đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết ngày 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Thị Trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn; lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.27 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.300.100.020	325.616.262
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.502.897.772	55.441.164.671
	<u>46.802.997.792</u>	<u>55.766.780.933</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Báo cáo tài chính riêng

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào Công ty con	79.950.000.000	-	-	79.950.000.000
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	-	79.950.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	66.640.000.000	-	-	66.640.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	66.640.000.000	-	-	66.640.000.000
	146.590.000.000			146.590.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các đơn vị nhận đầu tư:

Tên Công ty Công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức Công ty liên kết	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần XNK và TM Tổng Hợp Miền Bắc	167.253.769.059	-	50.152.080.994	-
Công Ty TNHH Ty Vân	20.691.774.062	-	41.089.193.653	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Thiết Bị Vật Tư Xây Dựng	30.091.996.207	-	51.924.677.427	-
Công ty TNHH Thép Nam	51.422.297.386	-	29.427.291.836	-
Đối tượng khác	183.500.363.018	(24.789.626.150)	125.013.205.709	(21.244.271.886)
	452.960.199.732	(24.789.626.150)	297.606.449.619	(21.244.271.886)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty CP Xây Dựng Thương mại và Sản xuất Minh Khánh	-	-	3.167.814.380	-
Công ty TNHH BFS Xây Dựng Và Thương Mại	-	-	3.800.000.000	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	-	-	6.891.513.354	-
Công ty Cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt Thanh	-	-	2.502.500.000	-
BQL Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên - Giai đoạn 2 (i)	5.215.455.548	-	608.961.753	-
Đối tượng khác	994.862.625	-	3.577.520.757	-
	6.210.318.173	-	20.548.310.244	-

(i): Khoản ứng trước cuối năm căn cứ theo Quyết định số 3292/QDD-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Bình Xuyên về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Xây dựng khu đô thị Việt Đức Legend City tại Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên (đợt 1 - giai đoạn 2), Công văn số 838/-QLDA ĐTXD ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Công văn số 871/CV-QLDA ĐTXD ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Bình Xuyên về việc đề nghị tạm ứng kinh phí phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City (giai đoạn 2).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) Chi tiết theo nội dung				
Tạm ứng	226.900.000	-	90.600.000	-
Ký cược, ký quỹ	3.342.000.000	-	-	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	43.812.682.038	-	41.476.104.535	-
Chi hộ	2.326.850.623	-	1.703.757.306	-
Phải thu khác	79.671.044	-	-	-
	<u>49.788.103.705</u>	<u>-</u>	<u>43.270.461.841</u>	<u>-</u>
a.2) Chi tiết theo đối tượng				
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên (*)	43.812.682.038	-	41.280.858.535	-
Đối tượng khác	5.975.421.667	-	1.989.603.306	-
	<u>49.788.103.705</u>	<u>-</u>	<u>43.270.461.841</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
b.1) Chi tiết theo nội dung				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	187.300.000	-	187.300.000	-
	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>
b.2) Chi tiết theo đối tượng				
UBND Xã Đạo Đức	187.300.000	-	187.300.000	-
	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	-	11.817.847.549	3.545.354.264
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	-	3.705.650.153	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	24.789.626.150	-	24.789.626.150	3.545.354.264

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	579.981.600	-	14.526.561.487	-
Nguyên liệu, vật liệu	100.759.166.144	-	71.927.638.777	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.934.178.572	-	8.568.445.596	-
Thành phẩm	167.440.000.860	-	251.356.567.702	-
Hàng hoá	318.332.726	-	985.637	-
	277.031.659.902	-	346.380.199.199	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City	699.175.551.226	326.731.863.534
	707.750.096.680	335.306.408.988

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ống Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 27,5 ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối với phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đính chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500, Khu đô thị mới Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc điều chỉnh giao đất theo điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500 (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022), cho Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VGPIPE để thực hiện dự án Khu đô thị Việt Đức Legend - City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Trong năm 2023, Công ty đã tiếp tục nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao của Dự án (xem thuyết minh số 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	171.170.593.853	118.032.833.984	27.601.497.497	1.598.574.718	318.403.500.052
- Mua trong năm	-	-	872.436.363	-	872.436.363
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.654.145.557)	(3.561.555.454)	-	(13.215.701.011)
Số dư cuối năm	171.170.593.853	108.378.688.427	24.912.378.406	1.598.574.718	306.060.235.404
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	70.274.748.859	113.451.783.687	24.111.248.802	1.598.574.718	209.436.356.066
- Khấu hao trong năm	7.737.702.896	2.292.670.854	888.932.425	-	10.919.306.175
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.654.145.557)	(2.732.699.867)	-	(12.386.845.424)
Số dư cuối năm	78.012.451.755	106.090.308.984	22.267.481.360	1.598.574.718	207.968.816.817
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	100.895.844.994	4.581.050.297	3.490.248.695	-	108.967.143.986
Tại ngày cuối năm	93.158.142.098	2.288.379.443	2.644.897.046	-	98.091.418.587

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 45.412.760.038 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 140.414.588.590 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.295.441.201	69.825.000	22.365.266.201
Số dư cuối năm	<u>22.295.441.201</u>	<u>69.825.000</u>	<u>22.365.266.201</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.332.822.666	69.825.000	5.402.647.666
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	<u>5.681.210.266</u>	<u>69.825.000</u>	<u>5.751.035.266</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	16.962.618.535	-	16.962.618.535
Tại ngày cuối năm	<u>16.614.230.935</u>	<u>-</u>	<u>16.614.230.935</u>

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.096.184.984 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí quảng cáo	-	101.571.444
	<u>-</u>	<u>101.571.444</u>
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	4.999.830.185	5.176.294.781
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	5.400.000.000	1.800.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	4.717.587.507	8.930.046.279
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	520.148.586
Chi phí quảng cáo	-	97.760.452
Chi phí trả trước dài hạn khác	452.546.313	466.435.126
	<u>15.569.964.005</u>	<u>16.990.685.224</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ	VND	trả nợ
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	166.981.202.856	166.981.202.856	129.855.866.885	129.855.866.885
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	127.088.405.158	127.088.405.158	84.646.131.123	84.646.131.123
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghi Sơn	-	-	43.214.793.600	43.214.793.600
Công ty TNHH Hiệp Hương	27.992.071.800	27.992.071.800	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	66.124.440.395	66.124.440.395	37.423.969.713	37.423.969.713
	388.186.120.209	388.186.120.209	295.140.761.321	295.140.761.321

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Công ty TNHH Kinh Doanh Thiết Bị Vật Tư Xây Dựng	8.402.000.000	-
Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Kinh Doanh Đức Việt	1.755.000.000	-
Đối tượng khác	388.468.002	418.361.325
	10.545.468.002	418.361.325

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	744.946.687	-	56.711.848.340	57.456.795.027	-	-	-	-	-	-	-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	-	-	75.132.425	75.132.425	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.360.092.057	-	9.768.987.831	6.260.092.057	-	-	-	-	-	-	6.868.987.831
Thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu qua thanh tra	-	120.700.000	-	-	120.700.000	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	-	-	70.497.284	70.497.284	-	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	161.495.199	-	484.973.010	634.235.724	-	-	-	-	-	-	12.232.485
Thuế tài nguyên	-	-	-	22.201.000	22.201.000	-	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	453.650.684	453.650.684	-	-	-	-	-	-	-
Tiền sử dụng đất (i)	-	-	-	338.090.612.311	338.090.612.311	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	7.330.624	7.330.624	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	37.356.650	-	21.542.880	58.899.530	-	-	-	-	-	-	-
	-	4.424.590.593	-	405.706.776.389	403.250.146.666	-	-	-	-	-	-	6.881.220.316

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(i) Tiền sử dụng đất phải nộp và đã nộp trong năm của Dự án Việt Đức Legend City (Thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	94.911.781	-
- Thuế lao HĐQT, BKS năm 2023	456.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	155.000.000	155.000.000
	<u>705.911.781</u>	<u>155.000.000</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	292.221.783	144.659.400
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	229.218.788	229.218.788
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	242.556.346	194.446.500
	<u>763.996.917</u>	<u>568.324.688</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.445.378.786	2.461.558.786
	<u>3.445.378.786</u>	<u>2.461.558.786</u>

Vina Steel Pipe Co., Ltd.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	343.600.000.000	343.600.000.000	3.195.550.235.898	3.199.833.817.596	339.316.418.302	339.316.418.302
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	296.100.000.000	296.100.000.000	2.216.743.817.385	2.266.527.399.083	246.316.418.302	246.316.418.302
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	47.500.000.000	47.500.000.000	488.068.272.196	522.068.272.196	13.500.000.000	13.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	490.738.146.317	411.238.146.317	79.500.000.000	79.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.300.000.000	7.300.000.000	800.000.000	7.300.000.000	800.000.000	800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	7.300.000.000	7.300.000.000	800.000.000	7.300.000.000	800.000.000	800.000.000
	350.900.000.000	350.900.000.000	3.196.350.235.898	3.207.133.817.596	340.116.418.302	340.116.418.302
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	7.300.000.000	7.300.000.000	204.800.000.000	7.500.000.000	204.600.000.000	204.600.000.000
	7.300.000.000	7.300.000.000	204.800.000.000	7.500.000.000	204.600.000.000	204.600.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.300.000.000)	(7.300.000.000)	(800.000.000)	(7.300.000.000)	(800.000.000)	(800.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	203.800.000.000	203.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Thị trấn Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023:

TT	Bên cho vay/số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ vay tại 31/12/2023 (VND)	Hình thức đảm bảo (*)
I	Vay ngắn hạn						
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Từ ngày 30/09/2023 - đến 30/06/2024	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	246.316.418.302	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1509578/HDTD ngày 30 tháng 09 năm 2023					246.316.418.302	
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 21/12/2023 đến ngày 15/12/2024	Là lãi suất điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ	13.500.000.000	Tài sản đảm bảo là quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế
2.1	Hợp đồng tín dụng số 23.41.1812/2023-HĐCVHM/NHCT262-ONG THEP VIET DUC ngày 21/12/2023					13.500.000.000	
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế	150.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng	Được xác định theo từng lần giải ngân	79.500.000.000	Tài sản đảm bảo
3.1	Hợp đồng tín dụng số 9526127.23 ngày 14 tháng 04 năm 2023					79.500.000.000	
II	Vay dài hạn						
I	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	590.000.000.000	Thanh toán các chi phí để thực hiện các dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City - Phần kì 1 Giai đoạn I	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	204.600.000.000	Toàn bộ nguồn thu từ dự án (bao gồm: doanh thu; tiền đặt cọc, ký quỹ, tiền thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh, mua bán và các khoản thu có tính chất tương tự của Dự án)
1.1	Hợp đồng tín dụng số 01/2023/1509578/HDTD ngày 28/04/2023					204.600.000.000	Trong đó, nợ phải trả trong 12 tháng tới là 800.000.000 VND.

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THIẾT VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	421.115.890.000	69.835.386.699	35.305.514.412	1.959.882.008	116.300.812.825	644.517.485.944					
Tăng vốn trong năm trước	63.163.320.000	-	-	-	-	(63.163.320.000)					
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	42.664.811.578					42.664.811.578
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.133.240.579	-	-	(6.399.721.737)					(4.266.481.158)
Số dư cuối năm trước	484.279.210.000	69.835.386.699	37.438.754.991	1.959.882.008	89.402.582.666	682.915.816.364					
Số dư đầu năm nay	484.279.210.000	69.835.386.699	37.438.754.991	1.959.882.008	89.402.582.666	682.915.816.364					
Tăng vốn trong năm nay (i)	48.417.490.000	-	-	-	(48.417.490.000)	-					
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	131.799.441.322					131.799.441.322
Phân phối lợi nhuận (ii)	-	-	1.947.190.066	-	(3.504.942.119)	(1.557.752.053)					(1.557.752.053)
Số dư cuối năm nay	532.696.700.000	69.835.386.699	39.385.945.057	1.959.882.008	169.279.591.869	813.157.505.633					

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 15 tháng 04 năm 2023, Công ty chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/mệnh giá, tương ứng số lượng cổ phiếu là 4.842.792 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 48.427.921.000 VND, nguồn chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2022. Ngày 14/09/2023, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán thông báo nhận được kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 6379/UBCK-QLCB ngày 25/09/2023. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 4.841.749 cổ phiếu.

(ii) Căn cứ theo điều lệ Công ty và Nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 15 tháng 04 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi số tiền 1.557.752.053 VND và trích lập quỹ Đầu tư, phát triển số tiền 1.947.190.066 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	32,06	170.775.000.000	32,06	155.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75	57.241.230.000	10,75	52.037.490.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,6	29.837.800.000	5,6	27.125.280.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24	43.895.500.000	8,24	39.905.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15	27.450.500.000	5,15	24.955.000.000
Các cổ đông khác	38,2	203.496.670.000	38,2	185.006.440.000
	100	532.696.700.000	100	484.279.210.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	532.696.700.000	484.279.210.000
- Vốn góp đầu năm	484.279.210.000	421.115.890.000
- Vốn góp tăng trong năm	48.417.490.000	63.163.320.000
- Vốn góp cuối năm	<u>532.696.700.000</u>	<u>484.279.210.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	229.218.788	229.218.788
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	48.417.490.000	63.163.320.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	48.417.490.000	63.163.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(48.417.490.000)	(63.163.320.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(48.417.490.000)	(63.163.320.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	<u>229.218.788</u>	<u>229.218.788</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53.269.670	48.427.921
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	53.269.670	48.427.921
- Cổ phiếu phổ thông	53.269.670	48.427.921
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	53.269.670	48.427.921
- Cổ phiếu phổ thông	53.269.670	48.427.921
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

f) Các quỹ công ty

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
Quỹ đầu tư phát triển	39.385.945.057	37.438.754.991
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.959.882.008	1.959.882.008
	<u>41.345.827.065</u>	<u>39.398.636.999</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng đất mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đến năm 2051, diện tích của khu đất thuê là 55.056 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	981,24	1.007,64

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.150.540.243.985	2.618.320.351.302
Doanh thu bán thành phẩm	2.364.844.711.907	2.325.709.983.873
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.548.314.723	11.715.437.411
	<u><u>4.526.933.270.615</u></u>	<u><u>4.955.745.772.586</u></u>

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	10.814.233.660	6.466.710.702
Hàng bán bị trả lại	1.246.511.720	1.003.252.909
	<u><u>12.060.745.380</u></u>	<u><u>7.469.963.611</u></u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.136.723.030.497	2.585.237.057.050
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.218.862.234.333	2.207.595.600.664
Giá vốn của dịch vụ đã bán	12.985.187.735	12.279.666.929
	<u><u>4.368.570.452.565</u></u>	<u><u>4.805.112.324.643</u></u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23.982.642	33.522.789
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.855.640.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	675.261	2.779.534
	<u><u>92.880.297.903</u></u>	<u><u>36.302.323</u></u>
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 35)	<u><u>92.855.640.000</u></u>	<u><u>-</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.348.791.059	21.638.033.324
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	14.493.600
	<u>21.348.791.059</u>	<u>21.652.526.924</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.776.350.402	715.501.274
Chi phí nhân công	14.195.215.841	13.055.805.620
Chi phí khấu hao tài sản cố định	787.979.814	912.646.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.092.945.144	25.128.369.645
Chi phí khác bằng tiền	3.367.449.801	1.174.584.594
	<u>46.219.941.002</u>	<u>40.986.908.069</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.041.406.637	885.182.833
Chi phí nhân công	17.183.032.922	16.148.134.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.626.663.254	2.029.955.423
Thuế, phí, lệ phí	969.094.998	898.338.111
Chi phí dự phòng	3.545.354.264	3.174.264.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.774.421.229	2.538.931.048
Chi phí khác bằng tiền	4.438.405.414	1.900.156.933
	<u>30.578.378.718</u>	<u>27.574.963.453</u>

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	406.244.413	400.000.000
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	255.539.530	206.364.188
Thu nhập khác	3.639.767	11.229.484
	<u>665.423.710</u>	<u>617.593.672</u>

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	108.000.000	120.000.000
Các khoản bị phạt, truy thu	24.150.000	158.056.650
Chi phí khác	104.351	21.596
	<u>132.254.351</u>	<u>278.078.246</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	141.568.429.153	53.324.903.635
Các khoản điều chỉnh tăng	132.150.000	278.056.650
- Chi phí không hợp lệ	132.150.000	278.056.650
Các khoản điều chỉnh giảm	(92.855.640.000)	(302.500.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(92.855.640.000)	-
- Chi phí thuế bằng quảng cáo năm 2022 hạch toán chi phí năm 2021 theo Biên bản kiểm tra của Kiểm toán Nhà nước Khu vực I	-	(302.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	48.844.939.153	53.300.460.285
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	9.768.987.831	10.660.092.057
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	120.700.000
Thuế TNDN nộp hộ nhà thầu nước ngoài	70.497.284	131.068.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.480.792.057	5.333.017.085
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(6.451.289.341)	(12.764.085.317)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	6.868.987.831	3.480.792.057

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.091.572.913.102	2.172.812.869.801
Chi phí nhân công	63.516.896.569	61.311.482.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.267.693.775	11.586.846.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.173.215.830	43.132.926.490
Chi phí khác bằng tiền	14.564.188.644	4.425.606.922
Chi phí dự phòng	3.545.354.264	3.174.264.555
	2.227.640.262.184	2.296.443.997.040

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động tỷ giá hối đoái, lãi suất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền	45.502.897.772	-	-	45.502.897.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	477.958.677.287	187.300.000	-	478.145.977.287
	<u>523.461.575.059</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>523.648.875.059</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền	55.441.164.671	-	-	55.441.164.671
Phải thu khách hàng, phải thu khác	319.632.639.574	187.300.000	-	319.819.939.574
	<u>375.073.804.245</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>375.261.104.245</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	340.116.418.302	203.800.000.000	-	543.916.418.302
Phải trả người bán, phải trả khác	388.950.117.126	3.445.378.786	-	392.395.495.912
Chi phí phải trả	705.911.781	-	-	705.911.781
	<u>729.772.447.209</u>	<u>207.245.378.786</u>	<u>-</u>	<u>937.017.825.995</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	350.900.000.000	-	-	350.900.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	295.709.086.009	2.461.558.786	-	298.170.644.795
Chi phí phải trả	155.000.000	-	-	155.000.000
	<u>646.764.086.009</u>	<u>2.461.558.786</u>	<u>-</u>	<u>649.225.644.795</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

35 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch và số dư với Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Cổ tức được chia	92.855.640.000	-
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	31.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	60.875.640.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giao dịch phát sinh trong năm (tiếp):

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Hoàn trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	116.200.000.000
Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	70.200.000.000
Chi trả hộ tiền điện	63.544.295.792	50.552.737.601
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	63.544.295.792	50.552.737.601
Thu lại tiền điện chi trả hộ	62.921.202.475	48.848.980.295
Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	62.921.202.475	48.848.980.295

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022 (đã điều chỉnh)
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	315.500.000	495.700.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	867.500.000	447.600.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	747.500.000	445.600.000
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Anh Chung	Thành viên ban kiểm soát	183.950.200	155.150.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

		
Võ Thị Hồng Thắm Người lập	Nguyễn Thị Thúy Kế toán trưởng	Nguyễn Hữu Thế Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11-41

1/5/ - # 0 1/1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/10/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Vi Anh Tú	Trưởng ban
Ông Lê Anh Chung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 22 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1369-2023-002-1

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Trung Kiên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 5136-2020-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.480.367.394.870	1.499.102.461.787
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	162.307.331.577	192.342.015.850
111	1. Tiền		162.307.331.577	127.342.015.850
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	65.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		878.877.761.029	873.492.573.107
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	815.080.963.826	825.506.262.831
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	36.836.298.173	23.613.310.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	51.750.125.180	45.617.271.918
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(24.789.626.150)	(21.244.271.886)
140	IV. Hàng tồn kho	9	427.480.584.416	433.166.301.386
141	1. Hàng tồn kho		427.480.584.416	433.166.301.386
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.701.717.848	101.571.444
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6.981.971.170	101.571.444
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.719.746.678	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		966.925.549.994	665.802.033.418
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		187.300.000	187.300.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	187.300.000	187.300.000
220	II. Tài sản cố định		125.998.020.392	140.513.666.137
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	109.383.789.457	123.551.047.602
222	- Nguyên giá		482.797.694.632	495.433.622.916
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(373.413.905.175)	(371.882.575.314)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	16.614.230.935	16.962.618.535
228	- Nguyên giá		22.398.866.201	22.398.866.201
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.784.635.266)	(5.436.247.666)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		707.750.096.680	335.306.408.988
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	707.750.096.680	335.306.408.988
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	113.638.549.053	172.803.973.069
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		113.638.549.053	172.803.973.069
260	VI. Tài sản dài hạn khác		19.351.583.869	16.990.685.224
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	19.351.583.869	16.990.685.224
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.447.292.944.864	2.164.904.495.205

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.465.937.632.863	1.238.306.667.595
310	I. Nợ ngắn hạn		1.258.692.254.077	1.235.845.108.809
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	523.903.164.439	530.411.746.476
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	10.545.468.002	418.361.325
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	9.528.803.722	9.749.922.644
314	4. Phải trả người lao động		13.038.491.101	17.899.771.250
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	705.911.781	155.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.998.919.604	1.639.242.274
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	855.736.621	637.994.472
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	668.923.812.667	644.785.974.963
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		29.191.946.140	30.147.095.405
330	II. Nợ dài hạn		207.245.378.786	2.461.558.786
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	3.445.378.786	2.461.558.786
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	203.800.000.000	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		981.355.312.001	926.597.827.610
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	981.355.312.001	926.597.827.610
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		532.696.700.000	484.279.210.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		532.696.700.000	484.279.210.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	69.835.386.699
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		48.000.000.000	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.515.183.112	49.567.993.047
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		11.582.581.167	11.582.581.167
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		267.599.742.737	311.196.739.174
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		214.779.249.174	222.301.082.960
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		52.820.493.563	88.895.656.214
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		125.718.286	135.917.523
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.447.392.944.864	2.164.904.495.205

Võ Thị Hồng Thắm
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	7.567.753.806.742	8.490.902.301.042
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	12.060.745.380	7.664.852.801
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.555.693.061.362	8.483.237.448.241
11	4. Giá vốn hàng bán	24	7.364.782.446.529	8.289.646.666.218
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		190.910.614.833	193.590.782.023
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	61.136.759.753	1.052.371.596
22	7. Chi phí tài chính	26	36.166.066.908	35.870.345.385
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>36.166.020.021</i>	<i>35.855.827.047</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(59.165.424.016)	33.372.609.196
25	9. Chi phí bán hàng	27	52.073.155.660	46.075.184.126
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	33.138.531.761	29.574.336.737
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		71.504.196.241	116.495.896.567
31	12. Thu nhập khác	29	918.994.165	623.497.968
32	13. Chi phí khác	30	132.897.266	278.101.714
40	14. Lợi nhuận khác		786.096.899	345.396.254
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		72.290.293.140	116.841.292.821
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	14.212.699.014	16.716.370.887
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>58.077.594.126</u>	<u>100.124.921.934</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		58.066.704.390	100.109.867.246
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		10.889.736	15.054.688
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	1.028	1.754

Võ Thị Hồng Thắm

Người lập

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Thị Thúy

Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		72.290.293.140	116.841.292.821
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.559.226.521	14.796.088.002
03	- Các khoản dự phòng		3.545.354.264	3.174.264.555
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(628.374)	(2.754.796)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.490.809.948)	(34.772.212.536)
06	- Chi phí lãi vay		36.166.020.021	35.855.827.047
07	- Các khoản điều chỉnh khác		70.497.284	251.768.232
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		124.139.952.908	136.144.273.325
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(19.136.364.416)	(67.979.819.083)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		5.685.716.970	188.352.719.509
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.154.257.032	(130.663.005.119)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(9.241.298.371)	(1.227.174.891)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(36.071.108.240)	(35.893.845.677)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.912.568.171)	(23.093.084.117)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		6.841.000	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.262.100.000)	(9.245.120.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		55.363.328.712	56.394.943.947
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(376.025.404.230)	(47.658.645.357)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		1.439.645.455	400.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		61.249.279.712	795.767.724
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(313.336.479.063)	(46.462.877.633)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		6.335.672.724.322	5.747.503.755.841
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(6.107.734.886.618)	(5.620.737.408.561)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		227.937.837.704	126.766.347.280
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(30.035.312.647)	136.698.413.594

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

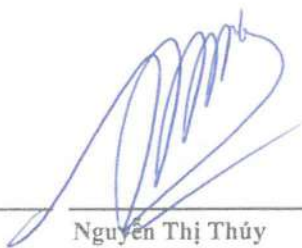
Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		192.342.015.850	55.640.847.460
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		628.374	2.754.796
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	162.307.331.577	192.342.015.850



Võ Thị Hồng Thắm
Người lập



Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng



Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2023

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ông thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/10/2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 532.696.700.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 532.696.700.000 VND; tương đương 53.269.670 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 316 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 324 người).

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 75 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 86 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết cấu, tủ sắt, kết cấu, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột thép, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Bên cạnh đó, trong năm Công ty mẹ đã tiếp tục nộp tiền sử dụng đất cho Dự án Việt Đức Legend City với một phần tiền nộp bằng vốn vay dài hạn ngân hàng. Do đó, chi phí xây dựng cơ bản tăng mạnh và khoản vay dài hạn cũng tăng mạnh so với thời điểm đầu năm tài chính.

Cấu trúc Tập đoàn

Công ty có 01 công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2023 là Công ty Cổ phần Thép Việt Đức. Công ty Cổ phần Thép Việt Đức có địa chỉ tại tỉnh Vĩnh Phúc, hoạt động kinh doanh chính là sản xuất tôn cán nguội. Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại công ty con là 99,94%.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết mua trong năm bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”.

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu năm báo cáo, Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các năm trước, Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu năm báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các năm trước, Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong năm, Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 18 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 55.056 m² đất tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm đến hết 04/12/2051;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại Thị Trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12A, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao;
- Quyền sử dụng đất 270,3 m² tại BT5-C12B, Lô BT 101-Khu BT5, dự án đầu tư Khu đô thị mới Bắc An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần với giá trị lớn. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, tối đa không quá 3 năm.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí thuê kho, thuê văn phòng được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê của Công ty.
- Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất là giá trị đánh giá lại liên quan đến quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Bình Xuyên khi thành lập công ty và được phân bổ theo thời gian sử dụng đất còn lại tại thời điểm đó.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng, tối đa không quá 3 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả ... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lỗ tỷ giá hối đoái... Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Do Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh các sản phẩm về thép và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.320.717.144	365.697.129
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	160.986.614.433	126.976.318.721
Các khoản tương đương tiền	-	65.000.000.000
	<u>162.307.331.577</u>	<u>192.342.015.850</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2023			01/01/2023		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất thép Việt Đức	28,60%	28,60%	113.638.549.053	28,60%	28,60%	172.803.973.069
			113.638.549.053			172.803.973.069

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần XNK và Thương mại Tổng hợp Miền Bắc	167.253.769.059	-	50.152.080.994	-
Công ty TNHH Thép Nam Châm	114.075.305.452	-	339.882.875.978	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	166.278.859.411	-	129.772.058.270	-
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	126.996.785.498	-	84.593.321.576	-
Công Ty TNHH Ty Vân	20.691.774.062	-	41.089.193.653	-
Công ty TNHH Kinh Doanh Thiết Bị Vật Tư Xây Dựng	30.091.996.207	-	51.924.677.427	-
Phải thu khách hàng khác	189.692.474.137	(24.789.626.150)	128.092.054.933	(21.244.271.886)
	815.080.963.826	(24.789.626.150)	825.506.262.831	(21.244.271.886)

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty CP Xây Dựng Thương mại và Sản xuất Minh Khánh	-	-	3.167.814.380	-
Công ty TNHH BFS Xây Dựng Và Thương Mại	-	-	6.500.000.000	-
Công Ty TNHH Kiến Trúc ACT Việt Nam	-	-	6.891.513.354	-
Công ty Cổ phần Nghệ thuật Nguyễn Việt Thanh	-	-	2.502.500.000	-
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên - Giai đoạn 2 (i)	5.215.455.548	-	608.961.753	-
Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại thép Việt Nga	30.000.000.000	-	-	-
Đối tượng khác	1.620.842.625	-	3.942.520.757	-
	36.836.298.173	-	23.613.310.244	-

(i): Khoản ứng trước cuối năm căn cứ theo Quyết định số 3292/QDD-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban Nhân dân huyện Bình Xuyên về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện Dự án: Xây dựng khu đô thị Việt Đức Legend City tại Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên (đợt 1 - giai đoạn 2), Công văn số 838/-QLDA ĐTXD ngày 05 tháng 12 năm 2023 và Công văn số 871/CV-QLDA ĐTXD ngày 11 tháng 12 năm 2023 của Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng huyện Bình Xuyên về việc đề nghị tạm ứng kinh phí phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City (giai đoạn 2).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
a.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	203.835.616	-
Tạm ứng	226.900.000	-	90.600.000	-
Ký cược, ký quỹ	7.528.108.840	-	3.817.000.000	-
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	43.812.682.038	-	41.476.104.535	-
Phải thu khác	182.434.302	-	29.731.767	-
	<u>51.750.125.180</u>	<u>-</u>	<u>45.617.271.918</u>	<u>-</u>
a.2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
Ban Quản Lý Dự Án Đầu Tư Xây Dựng Huyện Bình Xuyên (*)	43.812.682.038	-	41.280.858.535	-
Đối tượng khác	7.937.443.142	-	4.336.413.383	-
	<u>51.750.125.180</u>	<u>-</u>	<u>45.617.271.918</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
b.1) <i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng (*)	187.300.000	-	187.300.000	-
	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>
b.2) <i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
UBND Xã Đạo Đức (*)	187.300.000	-	187.300.000	-
	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>

(*) Đây là tiền chi trả bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án đã được phê duyệt của khu đô thị VietDuc Legend City sẽ được trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp của khu đô thị. (Thông tin về dự án xem chi tiết tại thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Quốc Dũng	11.817.847.549	-	11.817.847.549	3.545.354.264
- Công ty TNHH Phúc Tấn	3.705.650.153	-	3.705.650.153	-
- Công ty TNHH Trường Quang	9.266.128.448	-	9.266.128.448	-
	24.789.626.150	-	24.789.626.150	3.545.354.264

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	44.333.422.049	-	14.526.561.487	-
Nguyên liệu, vật liệu	195.110.782.375	-	144.922.057.259	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.979.230.525	-	18.409.949.375	-
Thành phẩm	172.056.935.160	-	255.306.747.628	-
Hàng hoá	214.307	-	985.637	-
	427.480.584.416	-	433.166.301.386	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự Án VietDuc Legend City	699.175.551.226	326.731.863.534
	707.750.096.680	335.306.408.988

Thông tin chi tiết về các dự án:

(1): Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ông Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục đích đầu tư: Đầu tư kinh doanh;
- Địa điểm: Khu đô thị Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Mô tả dự án: Theo đồ án điều chỉnh tổng thể quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/7/2017, lô đất CC4 có sự điều chỉnh chức năng sử dụng đất từ dịch vụ thương mại chuyển sang đất công cộng đơn vị ở; diện tích đất từ 4.716m² xuống còn 4.248m²; mật độ xây dựng tối đa từ 34% lên 40%; tầng cao tối đa là 5 tầng; hệ số sử dụng đất từ 1,7 lần lên 2 lần;
- Chi phí tập hợp: Chi phí tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất theo hợp đồng kinh tế số 16/HUD/-SGDBĐS ngày 29/02/2010 ký với Tổng Công ty đầu tư phát triển nhà và đô thị.

(2): Dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Ông Thép Việt - Đức VG PIPE;
- Mục tiêu đầu tư: Đầu tư xây dựng mới khu đô thị và nhà ở cho người thu nhập thấp, cán bộ công nhân viên, hiện đại và đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Địa điểm: Thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Quy mô dự án: Tổng quỹ đất thực hiện dự án là 62,17ha. Diện tích giai đoạn I đã được chuyển đổi mục đích sử dụng đất để thực hiện là 27,5 ha;
- Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn của Công ty cũng như các nguồn vốn huy động hợp pháp khác;
- Tình trạng dự án: Tiếp tục triển khai giải phóng mặt bằng phần diện tích còn lại giai đoạn I và đang triển khai thi công xây dựng cơ sở hạ tầng đối với phần diện tích đã được UBND tỉnh Vĩnh Phúc giao đất.
- Thông tin pháp lý:
 - + Quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc;
 - + Công văn số 2124/TTG-KTN ngày 23 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án giai đoạn 1 với diện tích 23,6ha.
 - + Quyết định số 3156/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt điều chỉnh QHCT 1/500 Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1829/QĐ-UBND về việc giao đất (đợt 1) cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 2954/QĐ-UBND ngày 26/10/2021 về việc đính chính nội dung giao đất tại QĐ số 1829/QĐ-UBND tỉnh Vĩnh Phúc ngày 22/07/2020 và giao đất (đợt 2) giai đoạn 1 cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VG-PIPE thực hiện dự án: Khu đô thị Việt Đức Legend-City tại Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022 về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500, Khu đô thị mới Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc (lần 1).
 - + Quyết định số 1177/QĐ-UBND ngày 31/05/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
 - + Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về việc điều chỉnh giao đất theo điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500 (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 751/QĐ-UBND ngày 18/04/2022), cho Công ty Cổ phần Ông thép Việt Đức VGPIPE để thực hiện dự án Khu đô thị Việt Đức Legend - City tại thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
- Trong năm 2023, Công ty đã tiếp tục nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích đất được giao của Dự án (xem thuyết minh số 16).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

II . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	203.181.576.212	247.899.042.393	42.754.429.593	1.598.574.718	495.433.622.916					
- Mua trong năm	-	-	872.436.363	-	872.436.363					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.654.145.557)	(3.854.219.090)	-	(13.508.364.647)					
Số dư cuối năm	203.181.576.212	238.244.896.836	39.772.646.866	1.598.574.718	482.797.694.632					
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	96.529.457.501	243.311.264.823	30.443.278.272	1.598.574.718	371.882.575.314					
- Khấu hao trong năm	9.017.594.558	2.292.670.854	2.900.573.509	-	14.210.838.921					
- Thanh lý, nhượng bán	-	(9.654.145.557)	(3.025.363.503)	-	(12.679.509.060)					
Số dư cuối năm	105.547.052.059	235.949.790.120	30.318.488.278	1.598.574.718	373.413.905.175					
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	106.652.118.711	4.587.777.570	12.311.151.321	-	123.551.047.602					
Tại ngày cuối năm	97.634.524.153	2.295.106.716	9.454.158.588	-	109.383.789.457					

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 45.412.760.038 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 270.013.949.500 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Số dư cuối năm	22.295.441.201	103.425.000	22.398.866.201
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.332.822.666	103.425.000	5.436.247.666
- Khấu hao trong năm	348.387.600	-	348.387.600
Số dư cuối năm	5.681.210.266	103.425.000	5.784.635.266
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	16.962.618.535	-	16.962.618.535
Tại ngày cuối năm	16.614.230.935	-	16.614.230.935

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định vô hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.096.184.984 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 69.825.000 VND.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa TSCĐ chờ phân bổ	6.981.971.170	-
Chi phí quảng cáo	-	101.571.444
	<u>6.981.971.170</u>	<u>101.571.444</u>
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	4.999.830.185	5.176.294.781
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	5.400.000.000	1.800.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	8.499.207.371	8.930.046.279
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	520.148.586
Chi phí quảng cáo	-	97.760.452
Chi phí trả trước dài hạn khác	452.546.313	466.435.126
	<u>19.351.583.869</u>	<u>16.990.685.224</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty Cổ phần Thương mại HPM	127.088.405.158	127.088.405.158	84.646.131.123	84.646.131.123
Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	166.981.202.856	166.981.202.856	129.855.866.885	129.855.866.885
Công ty TNHH Thép Nam Châm	48.591.150.421	48.591.150.421	28.968.304.475	28.968.304.475
Công ty Cổ phần Tập đoàn VAS Nghị Sơn	-	-	85.706.464.800	85.706.464.800
Công ty TNHH Thương Mại Khánh Dư	5.214.831.600	5.214.831.600	57.207.510.250	57.207.510.250
Sharpmax International (HongKong) Co., Ltd	43.753.440.449	43.753.440.449	-	-
Phải trả các đối tượng khác	132.274.133.955	132.274.133.955	144.027.468.943	144.027.468.943
	<u>523.903.164.439</u>	<u>523.903.164.439</u>	<u>530.411.746.476</u>	<u>530.411.746.476</u>

15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Công ty TNHH Kinh Doanh Thiết Bị Vật Tư Xây Dựng	8.402.000.000	-
Công ty Cổ Phần Sản Xuất và Kinh Doanh Đức Việt	1.755.000.000	-
Đối tượng khác	388.468.002	418.361.325
	<u>10.545.468.002</u>	<u>418.361.325</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	4.405.008.285	94.381.449.159	98.786.457.444	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	103.956.055	103.956.055	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	5.021.370.887	14.212.699.014	9.721.370.887	-	-	9.721.370.887	-	-	-	9.512.699.014	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp truy thu qua thanh tra	-	120.700.000	-	120.700.000	-	-	120.700.000	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	-	70.497.284	70.497.284	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	165.486.822	571.736.820	721.118.934	-	-	-	-	-	-	-	16.104.708
Thuế Tài nguyên	-	-	22.201.000	22.201.000	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	573.650.684	573.650.684	-	-	-	-	-	-	-	-
Tiền sử dụng đất (i)	-	-	338.090.612.311	338.090.612.311	-	-	338.090.612.311	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	16.330.624	16.330.624	-	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	37.356.650	22.177.335	59.533.985	-	-	-	-	-	-	-	-
	-	9.749.922.644	448.065.310.286	448.286.429.208	-	-	448.286.429.208	-	-	-	9.528.803.722	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(i) Tiền sử dụng đất phải nộp và đã nộp trong năm của Dự án Việt Đức Legend City (Thuyết minh số 10).

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	94.911.781	-
- Thù lao HĐQT, BKS năm 2023	456.000.000	-
- Chi phí phải trả khác	155.000.000	155.000.000
	<u><u>705.911.781</u></u>	<u><u>155.000.000</u></u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	324.433.503	175.151.200
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	276.718.788	256.718.788
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	254.584.330	206.124.484
	<u><u>855.736.621</u></u>	<u><u>637.994.472</u></u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.445.378.786	2.461.558.786
	<u><u>3.445.378.786</u></u>	<u><u>2.461.558.786</u></u>
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Ông Nguyễn Hữu Thê	23.500.000	13.500.000
- Bà Nguyễn Thị Nhi	23.500.000	13.500.000
	<u><u>47.000.000</u></u>	<u><u>27.000.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VIG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	637.485.974.963	637.485.974.963	6.130.872.724.322	6.100.234.886.618	668.123.812.667	668.123.812.667
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	463.885.974.963	463.885.974.963	4.687.165.236.787	4.628.127.399.083	522.923.812.667	522.923.812.667
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên	127.600.000.000	127.600.000.000	762.469.341.218	865.069.341.218	25.000.000.000	25.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc	-	-	490.738.146.317	411.238.146.317	79.500.000.000	79.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	46.000.000.000	46.000.000.000	190.500.000.000	195.800.000.000	40.700.000.000	40.700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	7.300.000.000	7.300.000.000	800.000.000	7.300.000.000	800.000.000	800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	7.300.000.000	7.300.000.000	800.000.000	7.300.000.000	800.000.000	800.000.000
	644.785.974.963	644.785.974.963	6.131.672.724.322	6.107.534.886.618	668.923.812.667	668.923.812.667
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	7.300.000.000	7.300.000.000	204.800.000.000	7.500.000.000	204.600.000.000	204.600.000.000
	7.300.000.000	7.300.000.000	204.800.000.000	7.500.000.000	204.600.000.000	204.600.000.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.300.000.000)	(7.300.000.000)	(800.000.000)	(7.300.000.000)	(800.000.000)	(800.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	203.800.000.000	203.800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023:

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2023 (VND)	Hình thức bảo đảm (*)	Đơn vị tính: VND
I	Vay ngắn hạn							
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	500.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C			668.123.812.667		
1.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1509578/HĐTD ngày 30 tháng 09 năm 2023			Từ ngày 30/09/2023 - đến 30/06/2024	Được xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể	522.923.812.667	Tài sản đảm bảo là các tài sản gắn liền với đất	
1.2	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/1853346/HĐTD	400.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Từ ngày 07/08/2023 đến ngày 31/07/2024	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	276.607.394.365	Tài sản đảm bảo	
2	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam CN Bình Xuyên	200.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh			25.000.000.000		
2.1	Hợp đồng tín dụng số 23.41.1812/2023-HĐCVHM/NHCT262-ONG THEP VIET DUC ngày 21/12/2023			Từ ngày 21/12/2023 đến ngày 15/12/2024	Là lãi suất điều chỉnh trên từng giấy nhận nợ	13.500.000.000	Tài sản đảm bảo là quyền tài sản của Công ty phát sinh từ các hợp đồng kinh tế	
2.2	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 23.41.2507/2023-HĐCVHM/NHCT262- THEP VIET DUC	230.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Từ ngày 25/07/2023 đến ngày 21/07/2024	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	11.500.000.000	Tài sản đảm bảo	
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế							
3.1	Hợp đồng tín dụng số 9526127.23 ngày 14 tháng 04 năm 2023	150.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	12 tháng	Được xác định theo từng lần giải ngân	79.500.000.000	Tài sản đảm bảo	
4	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên							
4.1	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 23PY/DN-ĐB/HDK360	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	12 tháng	Quy định trên từng Giấy ghi nợ và điều chỉnh theo Thông báo	40.700.000.000	Tài sản đảm bảo	

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2023:

TT	Ngân hàng/Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn	Lãi suất	Dư nợ tại 31/12/2023 (VND)	Hình thức bảo đảm (*)
II	Vay dài hạn					204.600.000.000	
I	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	590.000.000.000	Thanh toán các chi phí để thực hiện các dự án Khu đô thị Việt Đức Legend City - Phần kì I Giai đoạn I	72 tháng	Áp dụng lãi suất thả nổi	204.600.000.000	Toàn bộ nguồn thu từ dự án (bao gồm: doanh thu; tiền đặt cọc, ký quỹ, tiền thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh, mua bán và các khoản thu có tính chất tương tự của Dự án)
I	Hợp đồng tín dụng số 01/2023/1509578/HBTD ngày 28/04/2023					Trong đó, nợ phải trả trong 12 tháng tới là 800.000.000 VND.	

Đơn vị tính: VND

(*) Các khoản vay từ ngân hàng đã được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	421.115.890.000	-	69.835.386.699	-	-	46.231.130.144	10.378.958.843	285.464.402.959	122.368.305	833.148.136.950	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm trước	63.163.320.000	-	-	-	-	-	-	(63.163.320.000)	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	100.109.867.246	-	15.054.688	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ	-	-	-	-	-	2.133.240.579	-	(6.399.721.737)	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	1.203.622.324	1.203.622.324	(4.814.489.295)	-	(1.505.469)	-	-	-	-	-	-
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	484.279.210.000	-	69.835.386.699	-	-	49.567.993.047	11.582.581.167	311.196.739.174	135.917.523	926.597.827.610	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	484.279.210.000	-	69.835.386.699	-	-	49.567.993.047	11.582.581.167	311.196.739.174	135.917.523	926.597.827.610	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn trong năm nay (i)	48.417.490.000	-	-	-	-	-	-	(48.417.490.000)	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn tại công ty con (ii)	-	-	-	-	48.000.000.000	-	-	(48.000.000.000)	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	58.066.704.390	-	10.889.736	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ (iii)	-	-	-	-	-	1.947.190.066	-	(3.504.942.119)	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận tại công ty con (iv)	-	-	-	-	-	-	-	(1.741.268.708)	-	(21.088.974)	-	-	-	-	-	-
Tặng/Giảm khác	-	-	-	-	-	(1)	-	-	-	1	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	532.696.700.000	48.000.000.000	69.835.386.699	-	48.000.000.000	51.515.183.112	11.582.581.167	267.599.742.737	125.718.286	981.355.312.001	-	-	-	-	-	-

100
C
H
A
N
A
N

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Thông tin bổ sung cho biến động vốn chủ sở hữu:

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 15 tháng 04 năm 2023, Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG - PIPE chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10%/mệnh giá, tương ứng số lượng cổ phiếu là 4.842.792 cổ phiếu, với tổng giá trị theo mệnh giá là 48.427.921.000 VND, nguồn chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế tại ngày 31/12/2022. Ngày 14/09/2023, Công ty đã hoàn thành việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và đã được Ủy ban chứng khoán thông báo nhận được kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức tại công văn số 6379/UBCK-QLCB ngày 25/09/2023. Số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 4.841.749 cổ phiếu.

(ii) Theo nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023-NQĐHĐCĐ ngày 26 tháng 08 năm 2023, Công ty Cổ phần Thép Việt Đức thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền là 32.000.000.000 VND và số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu là 4.800.000 cổ phiếu.

(iii) Căn cứ theo điều lệ Công ty và Nghị Quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ-VGS ngày 15 tháng 04 năm 2023, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt Đức VG - PIPE quyết định trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi số tiền 1.557.752.053 VND và trích lập quỹ Đầu tư, phát triển số tiền 1.947.190.066 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2023.

(iv) Căn cứ theo điều lệ, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Việt Đức quyết định trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi số tiền 1.742.357.682 VND (tương đương 10% lợi nhuận sau thuế năm 2023).

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Ông Lê Minh Hải	32,06	170.775.000.000	32,06	155.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	10,75	57.241.230.000	10,75	52.037.490.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	5,6	29.837.800.000	5,6	27.125.280.000
Bà Lê Khánh Huyền	8,24	43.895.500.000	8,24	39.905.000.000
Ông Lê Quốc Khánh	5,15	27.450.500.000	5,15	24.955.000.000
Các cổ đông khác	38,2	203.496.670.000	38,2	185.006.440.000
	100	532.696.700.000	100	484.279.210.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	532.696.700.000	484.279.210.000
- Vốn góp đầu năm	484.279.210.000	421.115.890.000
- Vốn góp tăng trong năm	48.417.490.000	63.163.320.000
- Vốn góp cuối năm	532.696.700.000	484.279.210.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	256.718.788	256.718.788
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	48.437.490.000	63.163.320.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	48.437.490.000	63.163.320.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(48.417.490.000)	(63.163.320.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(48.417.490.000)	(63.163.320.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	276.718.788	256.718.788

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

d) **Cổ phiếu**

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53.269.670	48.427.921
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	53.269.670	48.427.921
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	53.269.670	48.427.921
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	53.269.670	48.427.921
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	53.269.670	48.427.921
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) **Các quỹ công ty**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.515.183.112	49.567.993.047
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	11.582.581.167	11.582.581.167
	63.097.764.279	61.150.574.214

21 . **CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

a) **Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng đất mục đích sản xuất kinh doanh, thời hạn thuê đến năm 2051, diện tích của khu đất thuê là 55.056 m2. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) **Ngoại tệ các loại**

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.129,08	1.081,88

22 . **TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	3.455.933.665.872	4.320.859.511.502
Doanh thu bán thành phẩm	4.100.271.826.147	4.158.327.352.129
Doanh thu cung cấp dịch vụ	11.548.314.723	11.715.437.411
	7.567.753.806.742	8.490.902.301.042

23 . **CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	10.814.233.660	6.621.691.157
Hàng bán bị trả lại	1.246.511.720	1.003.252.909
Giảm giá hàng bán	-	39.908.735
	12.060.745.380	7.664.852.801

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.431.693.777.412	4.254.410.026.188
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.920.103.481.382	4.022.956.973.101
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	12.985.187.735	12.279.666.929
	<u>7.364.782.446.529</u>	<u>8.289.646.666.218</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	169.804.096	999.603.340
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	88.624.579	49.895.524
Cổ tức, lợi nhuận được chia	60.875.640.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.015.817	93.198
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	675.261	2.779.534
	<u>61.136.759.753</u>	<u>1.052.371.596</u>

Trong đó: Doanh thu tài chính từ các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36)

	<u>60.875.640.000</u>	<u>-</u>
--	-----------------------	----------

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	36.166.020.021	35.855.827.047
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	14.493.600
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	46.887	24.738
	<u>36.166.066.908</u>	<u>35.870.345.385</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.776.350.402	715.501.274
Chi phí nhân công	16.523.077.652	15.555.380.467
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.278.932.190	1.334.720.659
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.734.801.544	27.178.442.711
Chi phí khác bằng tiền	3.759.993.872	1.291.139.015
	<u>52.073.155.660</u>	<u>46.075.184.126</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.041.406.637	885.502.833
Chi phí nhân công	17.990.544.622	17.110.445.202
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.408.645.102	2.436.910.924
Thuế, phí, lệ phí	1.374.875.528	1.294.068.686
Chi phí dự phòng	3.545.354.264	3.174.264.555
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.015.439.827	2.727.547.264
Chi phí khác bằng tiền	4.762.265.781	1.945.597.273
	<u>33.138.531.761</u>	<u>29.574.336.737</u>

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	610.789.868	400.000.000
Tiền phạt, tiền bồi thường thu được	255.539.530	206.364.188
Thu nhập khác	52.664.767	17.133.780
	<u>918.994.165</u>	<u>623.497.968</u>

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tiền thù lao HĐQT, BKS	108.000.000	120.000.000
Các khoản bị phạt, truy thu	24.784.455	158.056.650
Chi phí khác	112.811	45.064
	<u>132.897.266</u>	<u>278.101.714</u>

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	9.768.987.831	10.660.092.057
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty con	4.443.711.183	6.056.278.830
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>14.212.699.014</u>	<u>16.716.370.887</u>
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	-	120.700.000
Thuế TNDN nộp hộ thầu nhà thầu nước ngoài	70.497.284	131.068.232
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	5.142.070.887	11.267.015.885
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(9.912.568.171)	(23.093.084.117)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>9.512.699.014</u>	<u>5.142.070.887</u>

32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022 (đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	58.066.704.390	100.109.867.246
Các khoản điều chỉnh	(3.300.109.735)	(6.673.725.806)
- <i>Quy khê thương phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	(3.300.109.735)	(6.673.725.806)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	54.766.594.655	93.436.141.440
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	53.269.670	53.269.670
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.028	1.754

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.714.367.013.726	3.867.074.237.285
Chi phí nhân công	79.038.835.462	77.177.043.400
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.559.226.521	14.796.088.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	108.968.375.897	68.513.620.326
Chi phí khác bằng tiền	15.686.373.612	5.159.344.054
Chi phí dự phòng	3.545.354.264	3.174.264.555
	3.936.165.179.482	4.035.894.597.622

34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động về tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	160.986.614.433	-	-	160.986.614.433
Phải thu khách hàng, phải thu khác	842.041.462.856	187.300.000	-	842.228.762.856
	<u>1.003.028.077.289</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>1.003.215.377.289</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền và các khoản tương đương tiền	191.976.318.721	-	-	191.976.318.721
Phải thu khách hàng, phải thu khác	849.879.262.863	187.300.000	-	850.066.562.863
	<u>1.041.855.581.584</u>	<u>187.300.000</u>	<u>-</u>	<u>1.042.042.881.584</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	668.923.812.667	203.800.000.000	-	872.723.812.667
Phải trả người bán, phải trả khác	524.758.901.060	3.445.378.786	-	528.204.279.846
Chi phí phải trả	705.911.781	-	-	705.911.781
	<u>1.194.388.625.508</u>	<u>207.245.378.786</u>	<u>-</u>	<u>1.401.634.004.294</u>
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	644.785.974.963	-	-	644.785.974.963
Phải trả người bán, phải trả khác	531.049.740.948	2.461.558.786	-	533.511.299.734
Chi phí phải trả	155.000.000	-	-	155.000.000
	<u>1.175.990.715.911</u>	<u>2.461.558.786</u>	<u>-</u>	<u>1.178.452.274.697</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch và số dư Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên viên HĐQT, Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Cổ tức được chia	60.875.640.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sản xuất Thép Việt Đức	60.875.640.000	-
Hoàn trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	116.200.000.000
Ông Lê Minh Hải	-	46.000.000.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	-	70.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên, thị trấn Đạo Đức,
huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	(đã điều chỉnh) VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	315.500.000	495.700.000
Ông Nguyễn Hữu Thế	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	867.500.000	447.600.000
Bà Nguyễn Thị Nhi	Thành viên HĐQT,	747.500.000	445.600.000
Ông Lê Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Nguyễn Trọng Đắc	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Ngô Vi Anh Tú	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Bùi Văn Hiệu	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Lê Anh Chung	Thành viên ban kiểm soát	183.950.200	155.150.000
Bà Nguyễn Thị Hoa	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	12.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Võ Thị Hồng Thắm
Người lậpNguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 22 tháng 03 năm 2024



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023 CÔNG TY CỔ PHẦN ỒNG THÉP VIỆT ĐỨC VG PIPE

Xác nhận của đại diện theo Pháp luật của Công ty
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- Lưu văn phòng Công ty



CÔNG TY CP ỐNG THÉP VIỆT ĐỨC
Vietnam Germany Steel PiPe .J.S.C

Trụ sở chính

Địa chỉ: KCN Bình Xuyên, TT Đạo Đức, Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Tòa nhà SIMCO, 28 Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng

Địa chỉ: QL 1 A, Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng

Văn phòng đại diện tại Miền Nam

Địa chỉ: Bến Lức, Long An

BẢO CẢO THƯỜNG NIÊN



vgpipe.com.vn